**BÀI 1: THƠ VÀ TRUYỆN THƠ**

**\* Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết và vận dụng những hiểu biêt về đặc điểm của truyện thơ dân gian và truyện thơ

Nôm (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp, ngôn ngữ,…) để đọc

hiểu đoạn trích truyện thơ dân tộc thiểu số, truyện thơ Nôm. Vận dụng những hiểu biết về thơ

trữ tình( giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như ngôn từ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn

bản; ý ngĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ; …) để đọc hiểu thơ dân gian, thơ văn học viết.

- Nhận biết, phân tích được đặc điểm tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và

nói tiếng Việt.

- Biết viết bài nghị luận xã hội và trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng,

đạo lí.

- Trân trọng những giá trị nhân văn; góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc của di sản văn

học dân tộc.

**\* Nội dung và thời lượng**

**1. Đọc**

- Đọc hiểu VB 1: Tác phẩm *Sóng* – Tác giả: Xuân Quỳnh 2 tiết

- Đọc hiểu VB 2: *Lời tiễn dặn* (Trích truyện thơ *Tiễn dặn người yêu*) 2 tiết

- Thực hành đọc hiểu: Tác phẩm *Tôi yêu em* - Tác giả Pu-skin 1 tiết

- Thực hành đọc hiểu: Nỗi niềm tương tư - Tác giả Vũ Quốc Trân 1 tiết

**2. Thực hành tiếng Việt**

- Tên bài: Biện pháp lặp cấu trúc 1 tiết

**3. Viết**

- Tên bài: Viết bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí 2 tiết

**4. Nói và nghe**

- Tên bài : Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí. 1 tiết

**5. Tự đánh giá và hướng dẫn tự học**

- Tên bài: *Hôm qua tát nước đầu đình*

**PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu văn bản)**

**BÀI 1:**

**SÓNG**

**-Xuân Quỳnh-**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- HS nhận biết, vận dụng những hiểu biết về đặc trưng của thơ trữ tình (giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như ngôn từ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ,…) và đặc điểm của thơ để đọc hiểu các bài thơ.

- Học sinh vận dụng tri thức đã học, liên hệ, kết nối với kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu thêm ý nghĩa tác phẩm.

- Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao hạnh phúc của người phụ nữ trong tình yêu.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Hình thành kĩ năng đọc hiểu tác phẩm thơ tự do: dựa trên từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ và hiệu quả của chúng.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Sóng.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS nhận thức được vẻ đẹp tình yêu trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**:

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu:Video clips , tranh ảnh

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** | | |
| **HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG - TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài  học  **b. Nội dung thực hiện:**  ❖ GV chuẩn bị câu hỏi khởi động: *Anh/chị có thích những câu thơ dưới đây không? Vì sao?*  ***“Em trở về đúng nghĩa trái tim em***  ***Là máu thịt đời thường ai chẳng có***  ***Vẫn ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa***  ***Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi.”***  ***(“Tự hát” – Xuân Quỳnh)***  ❖ Học sinh đã tìm hiểu ở nhà và trả lời.  GV tổ chức nhóm cho HS trao đổi và thảo luận vấn đề: *Theo anh/chị, thế nào là một tình yêu đẹp? Hãy chia sẻ cảm nhận của mình.*  Từ các ý kiến của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài thơ *“Sóng”* (Xuân Quỳnh)  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  - GV đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS trả lời.  - HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 -3 HS chia sẻ.  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *Một cuộc đời đa đoan, một trái tim đa cảm là một Xuân Quỳnh luôn coi tình yêu là cứu cánh nhưng cũng luôn day dứt về giới hạn của tình yêu.* | | | |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động:**  ❖ Học sinh vận dụng tri thức về thơ tự do để:  + Chỉ ra được sự linh hoạt, đa dạng về thể thức trong mỗi khổ thơ  + Phân tích được cảm nhận, rung động, suy tư …của nhân vật trữ tình, tác giả về tình yêu, cuộc sống  + Cảm nhận vẻ đẹp của hình ảnh, ngôn từ và cảm hứng chủ đạo của bài thơ  + Đánh giá về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm  ❖ Học sinh vận dụng tri thức về thơ tự do để tìm hiểu văn bản theo đúng đặc trưng thể loại  ❖ Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học  **b. Nội dung thực hiện:**  ❖ Học sinh tiến hành chia nhóm thảo luận các câu hỏi và thuyết trình, thảo luận  **❖** Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **\* LÀM VIỆC CÁ NHÂN:**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên phát phiếu học tập số 1 tìm hiểu về tác giả, tác phẩm (cho học sinh tìm hiểu ở nhà và có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập được trên máy chiếu hoặc tranh ảnh).   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **K**  **Điều em đã biết về tác giả và bài thơ: *SÓNG?*** | **W**  **Điều em muốn biết về tác giả và bài thơ: *SÓNG?*** | **L**  **Điều em đã học được về tác phẩm qua việc chuẩn bị câu hỏi ?** | **H**  **Em sẽ tiếp tục nghiên cứu về tác phẩm *SÓNG* theo cách nào?** | | ...................................................................................................... | ............................................................................................................. | ................................................................................................ | .....................................................  .................................................... |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh hoàn thành phiếu cá nhân  Chia sẻ: 2 phút  Phản biện và trao đổi: 2 phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo  phần tìm hiểu  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về tác giả Xuân Quỳnh và tác phẩm *“Sóng”* | | **1. Tìm hiểu chung**  **1.1. Tác giả (1942 – 1988)**  **a/ Cuộc đời**  - Quê: La Khê, Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội).  - Xuất thân từ 1 gia đình công chức, mẹ mất sớm, ở với bà nội.  - Tuổi thơ nhiều thiệt thòi: mẹ mất sớm, phải ở với bà -> luôn khao khát tình thương yêu, mái ấm gia đình và rất nhạy cảm với tình mẫu tử.     - Là người phụ nữ có cuộc đời đa đoan, nhiều âu lo vất vả. Là người đàn bà có trái tim đa cảm, gắn bó hết mình với cuộc sống hàng ngày, nâng niu hạnh phúc bình dị, đời thường.  **b/ Sự nghiệp**  - Một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ nhà thơ chống Mĩ và nhà thơ nữ đáng chú ý của nền thơ ca Việt Nam hiện đại.  - Phong cách thơ: tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn.  + vừa hồn nhiên.  + vừa chân thành, đằm thắm.  + luôn da diết khát vọng về hạnh phúc đời thường.  - Đề tài: tình mẫu tử, tình yêu…  **1.2. Tác phẩm**  - Sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình).  - In trong tập Hoa dọc chiến hào (1968).  - Là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.  - Đề tài: Tình yêu.  - Chủ đề: Mượn hình tượng sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu.  **1.3. Đọc văn bản**  - Thể thơ: thơ năm chữ.  - Bố cục:  + Phần 1 (khổ 1,2): Sóng – đối tượng cảm nhận tình yêu  + Phần 2 (khổ 3,4): Sóng và nguồn gốc của tình yêu  + Phần 3 (khổ 5,6,7): Sóng và nỗi nhớ, tình yêu thủy chung của “em”  + Phần 4 (2 khổ cuối): Sóng và tình yêu cao cả, bất tử  - Nhận xét:  + Âm điệu trong bài thơ là âm điệu của những con sóng ngoài biển khơi vừa dữ dội vừa nhẹ nhàng.  + Các câu thơ được ngắt nhịp linh hoạt, mô phỏng cái đa dạng của nhịp sóng: 2/3 (Dữ dội/và dịu êm - Ồn ào/và lặng lẽ); 3/1/1 (Em nghĩ về/anh,/em); 3/2 (Em nghĩ về/ biển lớn – Từ nơi nào/sóng lên)   * + Các cặp câu đối xứng xuất hiện liên tiếp, câu sau nối thừa tiếp câu trước tựa như những đợt sóng xô bờ, sóng tiếp sóng đầy dạt dào: dữ dội và dịu êm - ồn ào và lặng lẽ, con sóng dưới lòng sâu – con sóng trên mặt nước, dẫu xuôi về phương bắc – dẫu ngược về phương nam. | |
| **\* THẢO LUẬN THEO NHÓM**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Thảo luận nhóm bàn- thời gian 5 phút: Hoàn thành phiếu HT 02. a  Hoàn thành phiếu HT 02.b  + Nhóm 1: Tìm hiểu khổ thơ 1-2 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.a (Phụ lục)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh,**  **nhịp điệu, biện pháp tu từ** | **Đặc tính của sóng** | **Tâm hồn của người con gái** | | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................................**  **……………………………………**  **…………………………………….**  **…………………..………………….**  **……………………………………** |   + Nhóm 2: Tìm hiểu khổ thơ 3-4 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.b (Phụ lục)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh,**  **nhịp điệu, biện pháp tu từ** | **Cái tôi trữ tình của Xuân Quỳnh** | **Hãy sưu tầm và ghi lại một vài câu thơ của các tác giả khác thể hiện quy luật bí ẩn muôn đời của tình yêu.** | | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................................**  **……………………………………**  **…………………………………….**  **…………………..………………….**  **……………………………………** |   + Nhóm 3: Tìm hiểu khổ thơ 5-6-7 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.c (Phụ lục)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, biện pháp tu từ, cấu trúc câu…** | **- Nhà thơ đã nương vào quy luật nào của tự nhiên để thể hiện sự thủy chung, tin tưởng trong lòng “em”?**  **- Vẻ đẹp của tình yêu truyền thống, tình yêu muôn đời được thể hiện như thế nào qua những khổ thơ này** | **Khổ thơ có gợi anh/chị liên tưởng đến những nỗi nhớ khác trong thi ca? Hãy ghi lại một vài câu thơ.** | | **...………………...................................**  **………………………………………**  **………………………………………**  **……………………………………….**  **…………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **………………………………………………………………..** |   + Nhóm 4: Tìm hiểu khổ thơ 8-9 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.d (Phụ lục)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh,**  **nhịp điệu, biện pháp tu từ, cấu trúc câu…** | **- Nhận thức về thời gian chảy trôi, đời người ngắn ngủi và sự “mỏng mảnh như màu khói” của lời yêu có thể dẫn con người đến những cách ứng xử nào? Và cách mà Xuân Quỳnh đã chọn là gì?**  **- Cái tôi trữ tình bộc lộ ước muốn gì trong khổ kết và được thể hiện bằng cách nào?** | **Khổ thơ có gợi cho anh/chị liên tưởng đến các tác phẩm thi ca khác viết về tình yêu? Hãy ghi lại một vài câu thơ.** | | **...……………….................................**  **……………………………………..**  **…………………………………….**  **……………………………………**  **…………………………….** | **...………………...................................**  **………………………………………..**  **………………………………………..**  **……………………………………….**  **…………………………….** | **...………………....................................**  **………………………………………..**  **…………………………………………**  **…………………………………………**  **…………………………….** |     **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  Các nhóm khớp các phiếu học tập lại thành bảng tổng hợp  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  *Các bàn trình bày phiếu học tập số 2.*  **Bước 4: Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung  **\*HÁT HOẶC NGÂM THƠ, NHẬN XÉT**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + Chia thành 4 nhóm -2 nhóm hát hoặc ngâm thơ - thời gian 10 phút; 2 nhóm còn lại nhận xét các nhóm và rút ra nhận xét về tình yêu của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**HS phân chia công việc:  ~ chọn hình thức thể hiện  ~ chọn người thực hiện  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức gọi 2 nhóm diễn xuất  + Hai nhóm còn lại nhận xét lẫn nhau và nhận xét về tình yêu của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  **Bước 4: Kết luận:**  GV tổng hợp ý kiến nhận xét chung và chốt lại vẻ đẹp trong tình yêu của nhân vật trữ tình và những đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. | | **2. Khám phá văn bản**  **2.1.  Sóng – đối tượng cảm nhận tình yêu (Khổ thơ 1 và 2)**  - *Tiểu đối:* *Dữ dội - dịu êm; ồn ào - lặng lẽ*  => Cách mở đầu bằng 4 tính từ đã miêu tả trạng thái đối lập của sóng và liên tưởng đến tâm lí phức tạp của người phụ nữ khi yêu (khi sôi nổi, mãnh liệt khi dịu dàng, sâu lắng).  - *Phép nhân hoá* (“Sông - không hiểu mình; Sóng - tìm ra bể”) và *những hình ảnh:* “Sông”, “bể”, “sóng” bổ sung cho nhau. Sông và bể làm nên cuộc đời của sóng. Và sóng chỉ thực sự có đời riêng khi đến với biển cả mênh mông.  -> Sóng bứt phá vượt qua không gian chật hẹp của sông bể để vươn tới các lớn lao như nỗi khát khao tình yêu cháy bỏng mãnh liệt của nhân vật em.  - *Chữ "tận"* cho thấy con đường ra biển thật xa xôi, còn đang ở phía trước và sự quyết tâm vượt qua tất cả những gặp ghềnh, trắc trở để đến với điều mình mong muốn.  - *Các từ ngữ “ngày xưa”, “ngày sau”, “vẫn thế”* gợi trạng thái, khát vọng và hành trình của sóng là quy luật vĩnh hằng:  + Quy luật của sóng: xưa – nay => vẫn thế  + Quy luật của tình cảm : tình yêu luôn là khát vọng muôn đời của tuổi trẻ.  🡺 Tình yêu là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại. Xuân Quỳnh đã liên hệ tình yêu tuổi trẻ với con sóng đại dương. Cũng như sóng, con người đã đến và mãi mãi đến với tình yêu. Đó là quy luật muôn đời. Yêu là tự nhận thức, là vươn tới miền bao la, vô tận.  **2.2.     Sóng tâm hồn em và những trăn trở về tình yêu**  *a.  Khổ 3+4:*  Sóng và nguồn gốc của tình yêu.  - *Sử dụng một loạt các câu hỏi:* *“Từ nơi nào sóng lên? – Sóng bắt đầu từ gió – gió bắt đầu từ đâu? - Em cũng không biết nữa - Khi nào ta yêu nhau”.*  -> Các câu hỏi cắt nghĩa gối nhau, tiếp nối, câu nọ đuổi theo câu kia như những con sóng suy tư nối tiếp nhau tìm kiếm câu trả lời trong đại dương vô tận. Không phải sóng biển, gió trời mà là những con sóng lòng, những xôn xao gió thổi của tình yêu.  - *Cảm xúc của nhân vật trữ tình:* không chỉ sôi nổi, thiết tha, bồi hồi trong tình yêu mà còn luôn có nhu cầu được cắt nghĩa, lí giải, tự dò đoán, tìm hiểu, khám phá bản thân mình của người phụ nữ.  -> Cái lắc đầu không thể lí giải đã hé mở một trái tim yêu chân thật, đích thực. Bởi tình yêu trước hết và chủ yếu vẫn là chuyện của cảm xúc, của rung động, của những quy luật riêng mà lí trí không thể nào hiểu nổi....  => Tình yêu là một trong những nguồn tình cảm tự nhiên, chân thật nhất của con người. Tình yêu cũng giống như sóng biển, như gió trời, thẩm sâu, rộng lớn và kì diệu, bất ngờ như thiên nhiên vậy thôi.  *b. Khổ 5+6+7*: Sóng và nỗi nhớ, tình yêu thủy chung của “em”  - *Khổ thơ 5 sử dụng: Điệp từ “con sóng”; Điệp cấu trúc và hình ảnh nhân hoá* *(Con sóng nhớ bờ…)*  -> Gợi những lớp sóng sôi nổi, dạt dào, mãnh liệt; những đợt sóng gối lên nhau hối hả vươn tới bờ. Đoạn thơ ngân lên như một điệp khúc của một bản tình ca với những giai điệu da diết , khắc sâu tình yêu và nỗi nhớ. Đó cũng chính là những đợt sóng lòng đang trào dâng trong tâm hồn người phụ nữ đang yêu. Nói sóng nhớ bờ là để nói: Em nhớ anh  + *Sự song hành, sóng đôi giữa hai hình tượng:*     |  |  | | --- | --- | | **Sóng** | **Em** | | *Dưới lòng sâu*  *Trên mặt nước*  *nhớ bờ                          ngày đêm… được* | *…..nhớ anh*  *cả trong mơ còn thức* |       + Nỗi nhớ được bộc bạch vừa trực tiếp vừa được miêu tả bởi những sắc thái cụ thể, gợi cảm. Những nét nhớ trở đi trở lại như một điệp khúc, như những vòng sóng nối nhau cộng hưởng và lan toả. Hai hình tượng song hành, đắp đổi cho nhau nhằm diễn tả sâu sắc hơn, ám ảnh hơn tình yêu và nỗi nhớ.  + Nỗi nhớ được diễn tả với nhiều sắc thái, cung bậc: Nỗi nhớ khắc khoải trong mọi thời gian, bao trùm mọi không gian. Nỗi nhớ choán đầy cả cõi lòng, không chỉ thường trực trong ý thức mà con len lỏi vào tiềm thức, xâm nhập cả vào miền vô thức. Tình yêu dường như đã phá vỡ mọi giới hạn để trở thành điều phi thường, kì diệu.  + *Khổ thơ dài thêm bởi 2 câu thơ cuối* -> những rung cảm mãnh liệt thôi thúc trái tim tự cất thành lời, không một chữ yêu mà sao tình yêu cứ cháy bỏng dạt dào.  -> Cách thể hiện bằng hình ảnh sóng của Xuân Quỳnh làm phong phú thêm sự diễn tả về nỗi nhớ như một điều tất yếu không thể thiếu được trong cảm xúc yêu đương của con người.  -Khổ thơ 6-7:  + *Sử dụng các cặp từ đối lập về phương hướng: “Dẫu xuôi”- “dẫu ngược”, “phương bắc”- “phương nam”…* -> Khẳng định khoảng cách dù có ra bao nhiêu thì lòng người lại chung thủy bấy nhiêu. Sự hô ứng, trùng điệp, vừa tương đồng, vừa cộng hưởng, cảm xúc của sóng trở thành: “Lòng em nhớ đến anh - Cả trong mơ còn thức”.  + *Cụm từ “ở ngoài kia”* gợi tả ánh mắt hướng về khi xa trăm ngàn con sóng ngày đêm không biết mệt mỏi vượt qua giới hạn không gian thăm thẳm muộn vời cách trở để hướng vào bờ ôm ấp nỗi yêu thương. Cũng như “em” muốn được gần bên anh được hòa nhịp vào tình yêu với anh.  => Người phụ nữ hồn nhiên tha thiết yêu đời vẫn còn ấp ủ bao hi vọng, vẫn phơi phới một niềm tin vào hạnh phúc tương lai, vẫn tìm vào cái đích cuối cùng của một tình yêu lớn như con sóng nhất định sẽ “tới bờ” dù có nhiều thử thách chông gai. Những thử thách đưa ra như để khẳng định sức mạnh vĩnh hằng của tình yêu và lòng chung thủy.  **2.3. Sóng và tình yêu cao cả, bất tử (Khổ thơ 8 và 9)**  - *Sử dụng cấu trúc "tuy... vẫn..; dâu... vẫn... và biện pháp tu từ so sánh* giữa sự đi qua của năm tháng trong cuộc đời với hình ảnh "mây vẫn bay về xa" dù biển rộng đến đâu. => Nhấn mạnh vào sự thức nhận của chủ thể trữ tình về quy luật của tự nhiên, về sự đối lập giữa cái vô hạn và hữu hạn, giữa thiên nhiên vĩnh hằng, trường cửu và sự nhỏ bé của con người, cái mỏng mảnh, sương khói của tình yêu.  -  *Những cụm từ “tuy dài thế”, “vẫn đi qua”, “dẫu rộng”* như chứa đựng những lo âu. Song nhà thơ vẫn luôn tin tưởng ở tấm lòng nhân hậu và tình yêu chân thành của mình sẽ vượt qua tất cả như áng mây kia, như năm tháng kia. Đó là sự nhạy cảm và lo âu, trăn trở của XQ về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.  *- Nhịp điệu của khổ thơ 8 chậm hơn so với các khổ khác*. => Gợi ấn tượng về sự suy tư, nhịp sóng như dãn ra trên mặt đại dương để miên man, suy ngẫm về cái dài rộng của tự nhiên và sự ít ỏi, ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người. Nhận thức về thời gian chảy trôi có thể dẫn đến cảm giác thất vọng, chán chường hoặc sống gấp. Với Xuân Quỳnh, sự thức nhận này đem lại một thoáng âu lo để rồi trở thành động lực thúc giục con sóng mãnh liệt, dào dạt hơn nữa trong khát vọng hoá thân vào biển lớn tình yêu.  -  *Một loạt hình ảnh thơ ẩn dụ tạo thành hệ thống tương phản đối lập* để nói lên tình cảm tỉnh táo đúng đắn và niềm tin mãnh liệt của nhà thơ vào sức mạnh của tình yêu. Yêu thương mãnh liệt nhưng cao thượng, vị tha, nhân vật trữ tình khao khát hòa tình yêu con sóng nhỏ của mình vào biển lớn tình yêu bao la rộng lớn để sống hết mình trong tình yêu để hóa thân vĩnh viễn vào tình yêu muôn thuở.  - *Từ “tan”* trong khổ thơ cuối đã khẳng định một ước muốn khôn cùng. Không có tình yêu cuộc sống tha thiết không có sự đam mê đến tột cùng, không có sự chung thủy thì làm sao Xuân Quỳnh có được những vần thơ ấy. Trong ước mong dẫu còn chút băn khoăn của “làm sao được tan ra” nhưng trên tất cả là khát vọng vĩnh viễn hóa tình yêu. *Lời thơ, ý thơ, nhịp thơ có phần nhanh hơn, gấp hơn và mạnh hơn.* Bài thơ kết thúc mà lời thơ còn vang vọng mãi như con sóng ào ạt hòa vào biển lớn tình yêu cùng với khát khao cháy bỏng.  **3.  Tổng kết**  ***a/ Nội dung***  + Với sự quan sát, chiêm nghiệm về những con sóng trước biển cả mênh mông, Xuân Quỳnh đã phát hiện ra những cung bậc đa dạng, phức tạp của cảm xúc trong tâm hồn của người phụ nữ đang yêu.  + Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người.  ***b/   Nghệ thuật***  + Thể thơ năm chữ tạo âm điệu sâu lắng, dạt dào, như âm nđiệu của những con sóng biển và cũng là sóng lòng của người phụ nữ khi yêu.  + Cách ngắt nhịp linh hoạt, phóng khoáng và cách gieo vần, phối âm độc đáo, giàu sức liên tưởng  + Giọng thơ vừa thiết tha, đằm thắm, vừa mãnh liệt sôi nổi, vừa hồn nhiên, nữ tính  + Xây dựng hình ảnh ẩn dụ - với hình tượng sóng, vừa mang nghĩa thực, vừa mang nghĩa ẩn dụ.  + Bài thơ sử dụng các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ, đối lập - tương phản. | |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Dựa vào nội dung tìm hiểu nhận xét khái quát về giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ  **b. Nội dung thực hiện**  HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV.  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  - Học sinh trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm, củng cố bài học  - Viết đoạn văn 5-6 câu nêu cảm nhận về vẻ Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu trong bài thơ Sóng có nét gì giống – khác nhau với vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt ý, lựa chọn các bài chất lượng để cả lớp tham khảo | | | Câu 1 : Chọn đáp án đúng:  A. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường  B. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng nói thương cảm đối với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp của họ  C. Thơ Xuân Quỳnh có phong cách độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, luôn có ý thức khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng triết lí với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, sáng tạo.  D. Đáp án A và B  **Đáp án: A**  Câu 2 : Bài thơ “Sóng” được in trong tập thơ nào dưới đây?  A. Hoa dọc chiến hào  B. Gió Lào cát trắng  C. Hoa cỏ may  D. Tự hát  **Đáp án: A**  Câu 3 : Bài thơ “Sóng” được Xuân Quỳnh sáng tác trong hoàn cảnh nào?  A. Trong một lần về thăm vùng biển ở quê  B. Trong chuyến đi thực tế về vùng biển Diêm Điền  C. Trong một lần đi vận động nhân dân ở vùng biển Diêm Điền  D. Viết trong những năm kháng chiến chống Mĩ đầy đau thương  **Đáp án: B**  Câu 4 : Thể thơ của bài thơ “Sóng”:  A. Thơ năm chữ  B. Thơ sáu chữ  C. Thơ bảy chữ  D. Thơ tự do  **Đáp án: A**  Câu 5  Qua bài thơ “Sóng”, Xuân Quỳnh đã khám phá sự tương đồng, hòa hợp giữa:  A.“Anh” và “em”  B. “Sóng” và “anh”  C. “Sóng” và “em”  D. Tất cả các đáp án trên  **Đáp án: C**  Câu 6 : Giá trị nội dung bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh:  A. Diễn tả tình yêu của người phụ nữ thiết tha, nồng nàn, chung thủy, muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người  B. Sự phẫn uất, đau buồn trước tình duyên lận đận, gắng gượng vươn lên để kiếm tìm đích đến của tình yêu  C. Cả hai đáp án trên đều đúng  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Đáp án: A**  Câu 7 : Đáp án nào không phải giá trị nghệ thuật của bài thơ “Sóng”?  A. Bài thơ mang âm hưởng dạt dào, nhịp nhàng, gợi nhịp độ của con sóng liên tiếp  B. Thể thơ 5 chữ với những dòng thơ thường là không ngắt nhịp, các câu thơ ngắn, đều đặn gợi sự nhịp nhàng  C. Thành công trong việc xây dựng hình tượng sóng  D. Cách dùng từ ngữ, hình ảnh giản dị, giàu sức biểu cảm, táo bạo mà tinh tế  **Đáp án: D**  Câu 8 :  “Dữ dội và dịu êm/ Ồn ào và lặng lẽ”  Mở đầu khổ 1, tác giả đã nêu ra những trạng thái đối lập của:  A. Sóng  B. Người con gái trong tình yêu  C. Cả hai đáp án trên đều đúng  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Đáp án: C**  Câu 9 : Thủ pháp nghệ thuật được sử dụng ở hai câu thơ đầu bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh?  A. Nghệ thuật đối lập  B. So sánh  C. Nhân hóa  D. Hoán dụ  **Đáp án: A**  Câu 10 : Trong khổ thơ thứ 3 và khổ thơ thứ 4, hình tượng sóng diễn tả điều gì?  A. Bản chất của tình yêu: Sự bí ẩn không thể lí giải  B. Cội nguồn của sóng, gió  C. Cả hai đáp án trên đều đúng  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Đáp án: A**  Câu 11 : Nội dung sau đây đúng hay sai?  “Trong khổ thơ thứ tư, nhà thơ Xuân Quỳnh đã lí giải được cội nguồn của tình yêu”.  A. Đúng  B. Sai  **Đáp án: B**  Câu 12 : Trong khổ thơ thứ 5, hình tượng sóng diễn tả điều gì?  A. Nỗi nhớ  B. Tình yêu  C. Niềm hạnh phúc  D. Niềm mong chờ  **Đáp án: A**  Câu 13 : Chọn đáp án đúng về nỗi nhớ được diễn tả trong khổ thơ thứ 5:  A. Trong khổ thơ thứ 5, nỗi nhớ được diễn tả mãnh liệt, da diết hiển hiện trong mọi chiều kích của không gian, thời gian, trạng thái cảm xúc của cuộc sống.  B. Nỗi nhớ bao trùm cả không gian, khắc khoải trong thời gian, đi sâu vào ý thức, tiềm thức và đi cả vào trong giấc mơ.  C. Cả hai đáp án trên đều đúng  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Đáp án: C**  HS trình bày đoạn văn tự do theo phần chuẩn bị của mình |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỎ RỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh biết yêu quý, tự hào, có trách nhiệm với quê hương đất nước, trân trọng, biết ơn các thế hệ đi trước.  b**. Nội dung thực hiện**: GV cho HS lưạ chọn nhiệm vụ  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ : Có thể tham khảo các nhiệm vụ sau:   * Vấn đề đặt ra trong bài thơ còn có ý nghĩa trong cuộc sống hôm nay? * Câu: “Sông không hiểu nổi mình – Sóng tìm ra tận bể” * Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ quan điểm của em về khát vọng lớn lao trong tình yêu? * Sưu tầm những câu thơ, bài thơ so sánh tình yêu với sóng biển?   Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy ngẫm và thực hiện  HS tự do sáng tạo về nội dung và hình thức.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt ý, lựa chọn các bài chất lượng để cả lớp tham khảo | | | * Dự kiến trình bày   - HS tự do trả lời sáng tạo về nội dung hình thức  - So sánh với ***Hương thầm*: Để thể hiện tình yêu đôi lứa, tác giả đã sử dụng những ẩn dụ, hình ảnh thiên nhiên gắn với quê hương đất nước, gợi lên cảm nhận tình yêu lứa đôi hòa quyện với tình yêu Tổ quốc.** |

**PHỤ LỤC**

**\* Phụ lục 1:**

**Phiếu học tập số 1. Phần Tìm hiểu chung**

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên**  Lớp | **SÓNG**  **Xuân Quỳnh** |

**. Bảng KWLH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **K**  **Điều em đã biết về tác giả và bài thơ: *SÓNG?*** | **W**  **Điều em muốn biết về tác giả và bài thơ: *SÓNG?*** | **L**  **Điều em đã học được về tác phẩm qua việc chuẩn bị câu hỏi ?** | **H**  **Em sẽ tiếp tục nghiên cứu về tác phẩm *SÓNG* theo cách nào?** |
| ...................................................................................................... | ............................................................................................................. | ................................................................................................ | ..................................  ..................................  .................................. |

**\* Phụ lục 2:**

**Phiếu học tập số 2. Phần Đọc – hiểu văn bản**

+ Nhóm 1: Tìm hiểu khổ thơ 1-2 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.a (Phụ lục)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh,**  **nhịp điệu, biện pháp tu từ** | **Đặc tính của sóng** | **Tâm hồn của người con gái** |
| **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** |

+ Nhóm 2: Tìm hiểu khổ thơ 3-4 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.b (Phụ lục)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh,**  **nhịp điệu, biện pháp tu từ** | **Cái tôi trữ tình của Xuân Quỳnh** | **Hãy sưu tầm và ghi lại một vài câu thơ của các tác giả khác thể hiện quy luật bí ẩn muôn đời của tình yêu.** |
| **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **………………………………………………………………………………………………** | **...……………….................**  **………………………………………………………………………………………**  **……………………………**  **……………………………**  **…………………………** | **...………………...........................................**  **………………………………………….**  **…………………………………………..**  **……………………..** |

+ Nhóm 3: Tìm hiểu khổ thơ 5-6-7 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.c (Phụ lục)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh,**  **nhịp điệu, biện pháp tu từ, cấu trúc câu…** | **- Nhà thơ đã nương vào quy luật nào của tự nhiên để thể hiện sự thủy chung, tin tưởng trong lòng “em”?**  **- Vẻ đẹp của tình yêu truyền thống, tình yêu muôn đời được thể hiện như thế nào qua những khổ thơ này** | **Khổ thơ có gợi anh/chị liên tưởng đến những nỗi nhớ khác trong thi ca? Hãy ghi lại một vài câu thơ.** |
| **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** |

+ Nhóm 4: Tìm hiểu khổ thơ 8-9 theo yêu cầu của Phiếu học tập số 2.d (Phụ lục)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh,**  **nhịp điệu, biện pháp tu từ, cấu trúc câu…** | **- Nhận thức về thời gian chảy trôi, đời người ngắn ngủi và sự “mỏng mảnh như màu khói” của lời yêu có thể dẫn con người đến những cách ứng xử nào? Và cách mà Xuân Quỳnh đã chọn là gì?**  **- Cái tôi trữ tình bộc lộ ước muốn gì trong khổ kết và được thể hiện bằng cách nào?** | **Khổ thơ có gợi cho anh/chị liên tưởng đến các tác phẩm thi ca khác viết về tình yêu? Hãy ghi lại một vài câu thơ.** |
| **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** | **...……………….................**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….**  **…………………………….** |

**Hướng dẫn trả lời các phiếu học tập:**

**\* Phiếu học tập số 2.a:**

- Khổ thơ 1-2:

+ Mục 1: Trạng thái đặc biệt, khác lạ của con sóng hiện lên qua các từ ngữ: "dữ dội - dịu êm", "ồn ào – lặng lẽ”. Đây là những trạng thái đối lập nhưng lại đồng hiện khi tác giả sử dụng từ nối “và Vua "dữ dội" lại vừa “dịu êm, vừa “ồn ào” lại vừa "lặng lẽ, thật khác lạ, thật đặc biệt, trạng thái của con sóng tình yêu đã hé mở thế giới tâm hồn với những tâm trạng phong phú, phức tạp và những - thức nhận về bản thân của người phụ nữ trong tình yêu...

+ Mục 2: HS chọn cách hiểu của bản thân về hai câu 3, 4. Cả hai cách cảm nhận đều thể hiện nhu cầu được thấu hiểu về bản thân của con sóng, đều thể hiện quyết tâm vượt qua những giới hạn bé nhỏ, chật hẹp để vươn đến những gì lớn lao, vĩnh hằng. Tuy nhiên, cách hiểu thư nhất cho thấy sóng chủ động từ sống ra bể là để chờ đợi được hiểu mình. Còn cách hiểu thứ thai nhấn mạnh nhu cầu tư thấu hiểu, khám phá những bí ẩn phong phủ, phức tạp trong thế giới cảm xúc của chính bản thân con sóng. Không gian “sông", "bể” thể hiện sự đối lập giữa - những gì bé nhỏ, chật hẹp, quen thuộc, hữu hạn với những gì rộng rãi, lớn lao, mới mẻ, vĩnh hàng. Chữ "tận" cho thấy con đường ra biển thật xa xôi, còn đang ở phía trước và sự quyết tâm vượt qua tất cả những gặp ghềnh, trắc trở để đến với điều mình mong muốn.

**\* Phiếu học tập số 2.b:**

- Khổ thơ 3-4:

+ Mục 1: Trong hai khổ 3 – 4, con sóng băn khoăn tìm hiểu bí mật về nguồn cội của tình yêu. Tác giả đã sử dụng một loạt các câu hỏi cắt nghĩa gối nhau, tiếp nối, câu nọ đuổi theo câu kia như những con sóng suy tư nối tiếp nhau tìm kiếm câu trả lời trong đại dương vô tận:Từ nơi nào sóng lên? – Sóng bắt đầu từ gió – gió bắt đầu từ đâu?- Em cũng không iết nữa - Khi nào ta yêu nhau”. Câu hỏi và trả lời về sóng dường như rất hợp lí. Nhưng câu hỏi về gió được trả lời bằng cái lắc đầu” rất đáng yêu: “Em cũng không biết nữa. Khi nào ta yêu nhau. - Không phải sóng biển, gió trời mà là những con sóng lòng, những xôn xao gió thổi của tình yêu.

+ Mục 2: Đoạn thơ cho thấy một cái tôi không chỉ sôi nổi, thiết tha, bồi hồi trong tình yêu

mà còn luôn có nhu cầu được cắt nghĩa, lí giải, tự dò đoán, tìm hiểu, khám phá bản thân mình của người phụ nữ. Cái lắc đầu không thể lí giải hé mở một trái tim yêu chân thật, đích thực. Bởi tình yêu trước hết và chủ yếu vẫn là chuyện của cảm xúc, của rung động, của những quy luật riêng mà lí trí không thể nào hiểu nổi....

+ Mục 3: Đoạn thơ cho thấy một cái nhìn về tình yêu của nữ sĩ: Tình yêu là một trong những nguồn tình cảm tự nhiên, chân thật nhất của con người. Tình yêu cũng giống như sóng biển, như gió trời, thẩm sâu, rộng lớn và kì diệu, bất ngờ như thiên nhiên vậy thôi.

+ Mục 4: HS có thể sưu tầm một số câu thơ của các tác giả khác cùng cảm nhận về quy luật bí ẩn muốn đời của tình yêu như: “Làm sao cắt nghĩa được tình yêu? - Có nghĩa gì đấu, một buổi chiều . Nó chiếm hắn ta bằng nắng nhạt – Bằng máy nhè nhẹ, gió hiu hiu" (Xuân Diệu); “Nhưng em ơi, đời anh là một trái tim . Nào ai biết chiều sâu và bến bờ của nó (...) Nhưng em ơi, trái tim anh lại là tình yêu – Nỗi vui sướng, khổ đau của nó là vô biên – Những đòi hỏi và sự giàu sang của nó là trường cửu - Trái tim anh cùng ở gần em như chính đời em vậy - Nhưng chẳng bao giờ em biết trọn nó đâu" (Ta-go)

**\* Phiếu học tập số 2.c:**

- Khổ thơ 5-6-7:

+ Mục 1: HS tìm câu trả lời về sự đặc biệt của khổ thơ bằng cách quan sát số lượng dòng thơ, sự xuất hiện của hình tượng “sóng” và “em” so với các khổ khác trong bài. Tác giả đã khắc hoa nỗi nhớ của con sóng bằng cách nhân hoá, phổ tâm trạng, cảm xúc nhớ nhung khắc khoải của người phụ nữ trong tình yêu vào sóng. Nỗi nhớ choán đầy các tầng không gian của sóng: sóng dưới lòng sâu – nhớ, sóng trên mặt nước – nhớ, sóng vỗ bờ ngày đêm không ngơi nghỉ là nỗi nhớ thao thức, khắc khoải "không ngủ được". Nỗi nhớ xâm chiếm các chiều thời gian. Cách thể hiện bằng hình ảnh sóng của Xuân Quỳnh làm phong phú thêm sự diễn tả về nỗi nhớ như một điều tất yếu không thể thiếu được trong cảm xúc yêu đương của con người.

+ Mục 2: Trong sự hô ứng, trùng điệp, vừa tương đồng, vừa cộng hưởng, cảm xúc của sóng trở thành “Lòng em nhớ đến anh - Cả trong mơ còn thức”. Sóng thì “ngày đêm không ngủ được”. Em “cộng” cả nỗi nhớ của sóng vào mình để trở thành “Cả trong mơ còn thức”. Nỗi nhớ hiển hiện đi vào tiềm thức, choán đầy cả giấc mơ. Nỗi nhớ ấy gợi người đọc liên tưởng tới biết bao tiếng lòng đồng điệu khác trong thi ca. HS có thể liên hệ một số câu, ví dụ: “Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm – Anh nhớ em, em hỡi! Anh nhớ em (...) Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh - Anh nhớ em. Anh nhớ lắm! Em ơi" (Xuân Diệu); “Nỗi nhớ dâng đầy trong em – Gương mặt anh, nụ cười anh, vòng ngực ấm – Tưởng như máu trong tim đông đặc – Nỗi nhớ dâng đầy, dâng đầy” (Phú Quang),...

HS tự thực hiện các mục còn lại.

**\* Phiếu học tập số 2.d:**

- Khổ thơ 8-9:

+ Mục 1: Khổ thơ 8 là những nhạy cảm về sự chảy trôi của thời gian trong tâm hồn nhân vật trữ tình. Tác giả sử dụng cấu trúc "tuy... vẫn..; dâu... vẫn... và so sánh giữa sự “đi quả của năm tháng trong cuộc đời với hình ảnh "mây vẫn bay về xã" dù biển rộng đến đầu. Các biện pháp nghệ thuật này nhấn mạnh vào sự thức nhận của chủ thể trữ tinh về quy luật của tự : nhiên, về sự đối lập giữa cái vô hạn và hữu hạn, giữa thiên nhiên vĩnh hằng, trường cửu và sự nhỏ bé của con người, cải mỏng mảnh, sương khói của tình yêu.

+ Mục 2: Nhịp điệu của khổ thơ 8 chậm hơn so với các khổ khác. Điều này gợi cho người đọc ấn tượng về sự suy tư, nhịp sóng như dãn ra trên mặt đại dương để miên man, suy ngẫm về cái dài rộng của tự nhiên và sự ít ỏi, ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người. Nhận thức về thời gian chảy trôi có thể dẫn đến cảm giác thất vọng, chán chường hoặc sống gấp. Với Xuân Quỳnh, sự thức nhận này đem lại một thoáng âu lo để rồi trở thành động lực thúc giục con sóng mãnh liệt, dào dạt hơn nữa trong khát vọng hoá thân vào biển lớn tình yêu.

+ Mục 3: Khổ thơ có thể gợi cho người đọc liên tưởng đến các tác phẩm thi ca khác viết về tình yêu như : “Anh không xứng là biển xanh – Nhưng cũng xin làm bể biếc – Để hát mãi bên gành – Một tình chung không hết – Để những khi bọt tung trắng xoá – Và gió về bay toả nơi nơi – Như hôn mãi ngày đêm không thoả – Bởi yêu bờ lắm lắm em ơi.” (Xuân Diệu), “Gửi tình yêu vào đất – Được hoa trái đầy cành – Gửi lên trời cao rộng – Sẽ được ngọn gió xanh – Em trao cả cho anh - Một tình yêu nồng cháy – Như một cánh buồm xinh - Hiến mình cho bể rộng” (Đoàn Thị Lam Luyến),...

+ Mục 4:Bài thơ Sóng và các trích đoạn khác của thơ Xuân Quỳnh có thể gợi cho HS một số suy nghĩ về tình yêu, chẳng hạn: về sự phức tạp, phong phú, bí ẩn,... của tình yêu; về sự mãnh liệt, hiện đại mà dung dị, đằm thắm của cảm xúc con người trong tình yêu; về sự trân trọng, nâng niu dành cho tình yêu,... Suy nghĩ cần chân thành, sâu sắc và gắn với các ngữ liệu được đưa ra.

**VĂN BẢN 2:**

**LỜI TIỄN DẶN**

**Truyện thơ : “ Tiễn dặn người yêu” – Dân tộc Thái**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Học sinh hiểu được những đặc trưng của truyện thơ dân gian

- Học sinh nắm được mạch tự sự và trữ tình của tác phẩm; đặc sắc nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Tóm tắt được nội dung đoạn trích

- Học sinh vận dụng tri thức về truyện thơ dân gian để tìm hiểu đoạn trích: hiểu bi kịch trong tình yêu và khát vọng tình yêu, hạnh phúc; khát vọng giải phóng khỏi những hủ tục của đồng bào dân tộc Thái qua những hình thức nghệ thuật đặc trưng trong truyện thơ.

- Học sinh vận dụng tri thức đã học, liên hệ, kết nối với kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu thêm ý nghĩa tác phẩm.

**2. Kĩ năng**

- Hình thành kĩ năng đọc hiểu tác phẩm truyện thơ dân gian: dựa trên sự việc, chi tiết và những dấu hiệu hình thức nghệ thuật khác để cảm nhận được hoàn cảnh, tâm trạng, vẻ đẹp của nhân vật cùng ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm

- Đánh giá được những đặc sắc của đoạn trích/ tác phẩm.

**3. Phẩm chất**

**-** Có quan niệm đúng đắn về tình yêu chân chính; hướng tới tình yêu chân chính, cao đẹp

- Trân trọng khát vọng tình yêu, hạnh phúc của con người

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu học tập;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề để dẫn dắt vào bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Đọc một câu ca dao, câu thơ... mà em biết về đề tài tình yêu  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Kết luận, nhận định*** | Tình yêu, thứ tình cảm đắm say kì diệu của con người cũng là một đề tài chưa bao giờ vơi cạn trong văn học. Là nhớ nhung, khao khát; là giận hờn, trách cứ hay đợi chờ, chung thủy ...... Có biết bao nhiêu cảm xúc của tình yêu thì cũng có bấy nhiêu cung bậc trong thi ca.  Ta thật bất ngờ khi từ kho tàng truyện thơ của các dân tộc thiểu số lại lấp lánh một viên ngọc sáng – một câu chuyện tình yêu đầy cảm động của một lứa đôi – truyện thơ “ Tiễn dặn người yêu”   * Giới thiệu đoạn trích “Lời tiễn dặn” |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

1. **Mục tiêu:**

**-** Giúp học sinh nhận biết và vận dụng những hiểu biết về truyện thơ dân gian như : cốt truyện, người kể, nhân vật, các thủ pháp nghệ thuật.... để đọc hiểu đoạn trích

- Khái quát được các giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích

**b. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh và những kiến thức được giáo viên chốt lại, những kiến thức học sinh thu nhận được

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Tìm hiểu tri thức thể loại***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Học sinh tìm hiểu phần Kiến thức ngữ văn (tr.11) và phần chuẩn bị bài, vẽ sơ đồ tư duy ( hình thức tự do sáng tạo) tìm hiểu đặc trưng thể loại theo các ý:  + đặc điểm chung:  + đề tài, chủ đề  + cốt truyện  + nhân vật  + ngôn ngữ  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận qua câu hỏi***  Truyện thơ khác gì với truyện / thơ?  Truyện thơ dân gian khác gì với các thể loại truyện thơ khác?  Chỉ ra yếu tố tự sự / trữ tình trong truyện thơ?  Khi đọc hiểu truyện thơ dân gian, cần thực hiện như thế nào?  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **I/ Tìm hiểu chung**   1. ***Một số tri thức về thể loại truyện thơ dân gian***   Truyện thơ dân gian: một thể loại văn học dân gian (có tính tập thể, tính truyền miệng, tính nguyên hợp)  - Truyện thơ = truyện + thơ ( kết hợp tự sự và trữ tình)  - Đề tài, chủ đề: tình yêu lứa đôi; số phận con người bất hạnh; ước mơ công lí, chính nghĩa  - Cốt truyện: gặp gỡ - thử thách – đoàn tụ  - Nhân vật: 2 tuyến nhân vật rõ rệt  - Ngôn ngữ: giàu cảm xúc, giàu hình ảnh  => Lưu ý khi đọc hiểu truyện thơ dân gian:  + nắm được cốt truyện ( những sự việc, chi tiết tiêu biểu; nhân vật.....)  + Xác định sự kiện, nhân vật trong đoạn trích  + phân tích chi tiết, từ ngữ, hình ảnh, các BPNT để tìm hiểu về nhân vật  + khái quát ý nghĩa, tư tưởng của đoạn trích và của tác phẩm |
| ***2. Tìm hiểu tri thức chung về văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***-*** HS trình bày kết quả chuẩn bị bài: tóm tắt cốt truyện của tác phẩm (khuyến khích hình thức sáng tạo: tranh, sơ đồ, hoạt cảnh....)  - Vì sao tác phẩm có nhan đề “ Tiễn dặn người yêu”?  - Theo em, tác phẩm có ý nghĩa gì?  - Nêu vị trí và nội dung của đoạn trích  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trả lời câu hỏi, trao đổi thảo luận  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | ***2. Một số tri thức về tác phẩm***  \* Tóm tắt : SGK phần Chuẩn bị  \* Nhan đề:  + Xoáy vào sự kiện trung tâm  + Khắc sâu hoàn cảnh éo le, bi kịch tình yêu và tình yêu thắm thiết sâu nặng của lứa đôi  + Thể hiện tư tưởng chủ đề tác phẩm......  \* Đoạn trích:  - Vị trí: Mở đầu quãng đời cô gái bị ép gả  - Nội dung: Thể hiện bi kịch tình yêu; làm sáng lên khát vọng tình yêu và hạnh phúc lứa đôi |
| ***3. Đọc hiểu văn bản***  **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Đọc diễn cảm đoạn trích  - Tóm tắt theo 2 mạch : tự sự và trữ tình  Và nêu nhận xét  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu văn bản**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***- Thử tưởng tượng hoàn cảnh và tâm trạng của chàng trai và cô gái trên đường tiễn dặn?***  ***- Chia lớp làm 4 nhóm***  Nhóm 1,2: Thực hiện yêu cầu của Phiếu học tập số 1 : ( Phụ lục) Tìm hiểu tâm trạng của chàng trai và cô gái qua lời nói của các nhân vật , qua ngôn ngữ giàu hình ảnh và biện pháp điệp cấu trúc   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật | Lời nói | Tâm trạng | | Chàng trai |  |  | | Cô gái |  |  |   Nhóm 3,4 thực hiện yêu cầu của Phiếu học tập số 2 ( phụ lục) : Tìm hiểu tâm trạng của chàng trai khi chứng kiến cảnh cô gái ở nhà chồng gái qua lời nói của các nhân vật , qua ngôn ngữ giàu hình ảnh và biện pháp điệp cấu trúc    ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Đại diện mỗi nhóm trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung vào PHT  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV chốt lại kiến thức  GV tổ chức thảo luận:  + Từ lời tiễn dặn của chàng trai, em thấy nhân vật này là người như thế nào?  + Em nhận thấy lời tiễn dặn của chàng trai trong đoạn 2 có gì khác với đoạn 1 | **II. Đọc hiểu đoạn trích:**   |  |  | | --- | --- | | Tự sự | Trữ tình | | Chàng trai tiễn cô gái về nhà chồng | Tâm trạng đau khổ, nhớ thương, quyến luyến và lời hẹn ước ở tương lai của lứa đôi | | Cô gái bị hắt hủi, đánh đập khi ở nhà chồng và thái độ của chàng trai: an ủi, chăm sóc người yêu, thề hẹn thủy chung | - Tình cảnh tủi cực của cô gái  - Nỗi xót xa thương cảm, sự săn sóc ân cần của chàng trai; tình cảm thủy chung son sắt của chàng. |   ***1. Tâm trạng của chàng trai và cô gái trên đường tiễn dặn:***  **\*** Hoàn cảnh của nhân vật:  *+ Anh yêu em* ( anh yêu của em) >< *tiễn đưa em đến tận nhà chồng*  Họ yêu nhau tha thiết – vì cha mẹ ép gả mà phải chia lìa – chàng trai tiễn cô gái về nhà chồng  + *Chim chích, chim nhạn*.... như tượng trưng cho những thế lực cản trở hạnh phúc lứa đôi   * Hoàn cảnh éo le, bi kịch, báo trước tâm trạng đau khổ của nhân vật   \* Tâm trạng của chàng trai:  - Lời nói giàu hình ảnh: “ *Nước ngập bè chìm/ Sóng xô bè vỡ ......”* -> thể hiện sự đổ vỡ, tan nát; sự ngắn ngủi; sự chia lìa đột ngột và tình cảnh tuyệt vọng của lứa đôi  - Dùng thời gian tâm lý: *Đôi ta yêu nhau chưa trọn một ngày/ Chưa đầy một khắc....*  -> thời gian tâm lí, thời gian cảm thức, không còn là thời gian thực tế nữa. Tất cả biểu hiện sự dở dang, như càng làm rõ hơn sự bàng hoàng, tiếc nuối của chàng trai.  **Tâm trạng:** -> sự ý thức về hoàn cảnh nghiệt ngã, trái ngang : yêu nhau mà không đến được với nhau, đợi chờ dằng dặc mà không được đoàn tụ; nhớ nhung da diết mà vẫn phải chia lìa  -> nỗi đau khổ, luyến tiếc vô hạn  - Điệp cấu trúc : “ *Chỉ cá liền với nước/ Chỉ lúa liền với ruộng*”  -> dùng những hình ảnh quen thuộc, gần gũi với cách cảm, cách nghĩ của người dân miền núi  -> lời khẳng định đinh ninh về một tình cảm gắn bó, không đổi thay, duy nhất, bất chấp hoàn cảnh  -> một tình yêu mãnh liệt, tha thiết, thủy chung , vượt lên số phận  - Giọng điệu : thể hiện nỗi quyến luyến, bịn rịn; tình cảm thiết tha trong lòng chàng trai  Tất cả những cảm nghĩ, hành động ấy đều là minh chứng sinh động cho tình yêu sôi nổi, tha thiết, chân thành và bộc trực của anh. **=> TÌNH YÊU THỦY CHUNG THA THIẾT**  ***\**** Tâm trạng của cô gái:  - Lời nói: “ *Đừng vội anh....”* -> lời nói của người sợ sự chia xa, ko muốn xa lìa nhau -> tâm trạng rối bời: hoang mang, lo sợ, nuối tiếc, đau khổ.....Cô gái muốn kéo dài mãi giây phút ở bên người yêu, dùng dằng không muốn chia lìa  - Hình ảnh : *Sao Khun Lú...; áng mây kia* ....-> đều là hình ảnh biểu tượng của sự đợi chờ dù trong vô vọng. Sao Khun Lú đứng mãi một góc trời, đợi chờ sao Nàng Ủa mà không bao giờ gặp gỡ, như ngôi sao Hôm, sao Mai đứng mãi hai phía chân trời. Áng mây kia biết mình phải trôi vẫn chùng chình vương vấn mãi. Đó là tâm trạng của cô gái, trong tuyệt vọng vẫn cháy lên hi vọng mong manh, trong chia cách vẫn khao khát một ngày đoàn tụ. Đó cũng là tình yêu thủy chung, một lòng, không nguôi hướng về người mình yêu bất chấp sự chia cách của số phận .  - “ *Đôi ta xa nhau dằng dặc nỗi niềm tưởng nhớ*” -> lời khẳng định tình yêu tha thiết vượt lên số phận  - Phép điệp cấu trúc:  *“ Đừng bỏ em .....trào dâng*”  -> nỗi lo sợ cô đơn  -> dự cảm không lành về một tương lai bất hạnh khi sống trong một cuộc hôn nhân không tình yêu  -> mong mỏi sự cảm thông chia sẻ  -> khát vọng tình yêu khôn nguôi  -> **TÌNH YÊU THỦY CHUNG THA THIẾT**  \* Lời thề son sắt của tình yêu  - Chàng trai nhắc lại cảnh ngộ của 2 người: tình yêu >< số phận; gặp nhau >< chia lìa.....  - Cấu trúc câu thơ được điệp lại liên tiếp:  + *đợi đến tháng năm/ đợi mùa nước đỏ/đợi chim tăng ló...*  -> Bước đi của thời gian không tính bằng ngày, giờ mà được diễn tả bằng những hình ảnh không gian quen thuộc, bình thường, thuần phác, gắn bó với cuộc sống dân tộc : tháng lau nở, đợi mùa nước đỏ cá về, chim tăng ló hót gọi hè,… những hình ảnh quen thuộc đó đã phần nào phác hoạ tình cảm chân thực, mộc mạc, bền chắc của chàng trai . Thời gian đợi chờ được tính bằng năm bằng tháng  -> tạo nên ngữ điệu khẳng định  -> thể hiện tình yêu thủy chung son sắt ; khẳng định tình yêu bất diệt qua mùa xuân, mùa hạ, dài theo năm tháng, không gì thay đổi  + “*Không lấy được nhau mùa hạ..............về già”*  -> mùa hạ, mùa đông – ẩn dụ của thời tuổi trẻ, tuổi thanh xuân sôi nổi và tuổi già, héo úa, tàn phai.....; cũng ẩn dụ cho sự trôi chảy của thời gian, có điều thời gian không tính bằng năm tháng mà tính bằng đời người. Đó là lời hẹn ước về tương lai: băng qua sự chia cách của số phận, sự khắc nghiệt của thời gian, họ cùng nhau đợi chờ, hi vọng vào một tương lai được gắn bó.  => Ở chặng này, tình yêu thủy chung nổi bật lên ở một chữ **Đợi** : dù phải cam chịu số phận nhưng giữa họ vẫn mãnh liệt một tình yêu.  2. Tâm trạng của chàng trai khi chứng kiến tình cảnh cô gái ở nhà chồng:  \* Hoàn cảnh của cô gái: bị hành hạ, đánh đập, chấp nhận cuộc hôn nhân bất hạnh  -> Tinh cảnh đáng thương đó là tiếng kêu cứu không lời về quyền sống của người phụ nữ, gợi nỗi thương cảm xót xa đối với người nghe.  \* Thái độ, tâm trạng của chàng trai:  - Tiếng than đầy xót xa , thương cảm  - Lời lẽ, cử chỉ săn sóc ân cần: để anh chải đầu, gỡ tóc, làm thuốc cho em khỏi đâu -> lời nói cử chỉ mang bao yêu thương, trìu mến, xót thương vô cùng -> tình yêu sắt son thủy chung  - Cất lời an ủi cô gái:  “ Tơ rối đôi ta cùng gỡ/ Tơ vò ta vuốt lại....” – cách nói hình ảnh thể hiện niềm cảm thông, sự sẻ chia yêu thương...Chàng trai sẵn sáng cùng cô gái mình yêu vượt qua những khổ ải, san sẻ với cô những đau khổ , những mong có thể giúp cô vơi bớt khổ đau trong cuộc sống   * Vẻ đẹp của tình yêu chân thành, sâu nặng, cao thượng, một tình yêu đích thực   - Trong lời an ủi còn có cả lời ước hẹn: “ *Về với người ta thương thủa cũ*” – vẫn một lòng một dạ thủy chung, vẫn không thôi hi vọng ở tương lai  - Phép điệp cấu trúc :  + Chết ....../ chết thành......  Từ “chết” được lặp lại 6 lần cùng điệp cấu trúc :  -> Cái chết = chia lìa, hư vô -> đó là sự thử thách tột cùng đối với con người, với tình yêu  -> gắn cái chết với sự bất tử, gắn sự chia lìa với gắn bó: thể hiện khát vọng mãnh liệt được sống cùng nhau.  -> lời tiễn dặn vừa là lời dặn dò người yêu không quên mối tình cũ, vừa thể hiện thái độ dứt khoát của chàng trai cùng sống chết bên cô; thể hiện tình yêu sâu sắc, thuỷ chung và quyết tâm vượt mọi trở ngai để gắn bó.  -> là lời thề sắt son  - Phép so sánh:  Tình yêu đôi ta như tình yêu chàng Lú, nàng Ủa; như trâu đã bán ngoài chợ, lúa đã gặt ngoài đồng; như muôn lớp sóng nghìn trùng, như vàng đá...... -> những hình ảnh gần gũi với cách cảm của người lao động miền núi, đều biểu tượng của sự bất biến, vĩnh hằng => đó là lời khẳng định tình yêu sâu nặng nhất  - Phép điệp cấu trúc:  “ Yêu nhau ...........” – một lần nữa khẳng định tình yêu mãi mãi, không bao giờ đổi thay, dù biến động của cuộc đời, dù người xiểm xui....  => Nổi bật trong lời tiễn dặn của chàng trai vẫn là một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thủy chung; một khát khao gắn bó, hạnh phúc...bất chấp sự chia cắt của mẹ cha, của lễ giáo hay số phận......  => Chàng trai là người giàu tình nghĩa, chung thủy, có khát vọng mãnh liệt muốn chống lại hủ tục, dám đấu tranh cho tình yêu  => Đoạn 1: Lời dặn gắn với chữ “ đợi” : có nghĩa là chấp nhận thực tại không thể gần gũi, gắn bó; “đợi” nghĩa là chỉ còn hi vọng ở tương lai. Lời dặn dò đó thể hiện tình nghĩa thuỷ chung, tình yêu sâu sắc của chàng trai, đồng thời cũng thể hiện thái độ bất ỉực, đành chấp nhận tập tục, chấp nhận cuộc hôn nhân do cha mẹ hai bên định đoạt.  Đoạn 2: Lời dặn gắn với chữ “cùng”: Thể hiện tình yêu nồng nàn, mãnh liệt ; thể hiện quyết tâm, thái độ phản kháng lại hoàn cảnh, muốn phá tung sợi dây trói buộc của hủ tục; thể hiện khao khát được ở bên nhau của lứa đôi.  => Lời tiễn dặn ko phải lời tiễn biệt mà trở thành lời thề nguyền, hẹn ước, là tiếng nói của một tình yêu thiết tha, mãnh liệt |
| ***4. Tổng kết bài học***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + Học sinh thực hiện sơ đồ 3-2-1:  3 điều đặc sắc về nôi dung đoạn trích; 2 nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích ; 1 điều băn khoăn thắc mắc.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  + Học sinh chuyển phiếu học tập cho bạn bên cạnh, tiếp tục bổ sung những ý còn thiếu và giải đáp điều băn khoăn của bạn  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  + Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích  + cách đọc hiểu văn bản truyện thơ dân gian | **III. Tổng kết**  1***, Nội dung:***  - Bi kịch tình yêu của lứa đôi – đó cũng là bi kịch của con người trong một xã hội nặng nề những hủ tục, không quan tâm đến quyền sống, quyền hạnh phúc của con người  - Ngợi ca tình yêu thủy chung, thắm thiết lứa đôi  - Thể hiện khát vọng tình yêu, hạnh phúc, khát vọng giải phóng khỏi những hủ tục của đồng bào Thái  - Tiếng nói đấu tranh chống lại hủ tục, đòi quyền sống cho con người  => Tư tưởng nhân văn tiến bộ  - Thể hiện những thông điệp về vẻ đẹp vĩnh hàng của tình yêu chân chính  ***2. Nghệ thuật:***  - kết hợp nhuần nhuyễn giữa tự sự và trữ tình  - Ngôn ngữ, hình ảnh, lối diễn đạt đậm đà màu sắc miền núi  - Sử dụng nhiều phép tu từ: so sánh, trùng điệp.....  - Nghệ thuật diễn tả nội tâm phong phú sâu sắc  3. **Cách đọc hiểu truyện thơ:**  **-** Nắm được vị trí, tóm tắt được nội dung đoạn trích  - Tìm hiểu sự việc, chi tiết, các từ ngữ, hình ảnh và biện pháp tu từ -> hiểu tâm trạng của nhân vật  - Đánh giá về nội dung và ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Qua những bài tập luyện tập, củng cô những kiến thức về bài học

**b. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + Học sinh trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm, củng cố bài học  + Chọn phân tích tác dụng của một biện pháp nghệ thuật trong một câu thơ cụ thể của bài.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **Câu 1 :**Đọan trích ***Lời tiễn dặn*** là lời của ai?  A. Cô gái  B. Người chồng  **C. Chàng trai**  D. Tác giả  **Câu 2 : *Tiễn dặn người yêu*** là tác phẩm của dân tộc nào:  **A. Truyện thơ của dân tộc Thái.**  B. Truyện thơ của dân tộc Ê-đê  C. Sử thi của dân tộc Mường.  D. Truyện thơ của dân tộc Tày Nùng.  **Câu 3 : Việc nhắc dến cái chết** trong đoạn thơ mang ý nghĩa chủ yếu là?  A. Dù phải chết, hóa thành gì, anh vẫn quyết tâm ở bên người yêu.  B. Cái chết là sự thử thách tột cùng, tình yêu mãnh liệt của anh vượt qua cả sự thử thách đó.  C. Nói đến cái chết chính là nói đến khát vọng mãnh liệt được sống cùng nhau.  D. **Tất cả các ý trên**  **Câu 4 :**Câu nào ***không chính xác*** khi nhận xét về hình ảnh thiên nhiên trong ***Lời tiễn dặn*** ?  A. Thiên nhiên vừa là những hình ảnh quen thuộc đối với nếp cảm, nếp nghĩ của con người, vừa góp phần thể hiện tâm tư tình cảm nhân vật.  **B. Thiên nhiên biểu tượng cho sự thử thách con người, cho những thế lực ngăn trở tình yêu**  C. Thiên nhiên vừa là những hình ảnh tượng trưng vừa là những hình ảnh phóng đại.  D. Thiên nhiên không chỉ thể hiện tâm trạng, tình cảm của nhân vật mà còn thấm đẫm màu sắc dân tộc trong tác phẩm.  **Câu 5 :**Vẻ đẹp tình yêu của cô gái và chàng trai trong đoạn trích là gì?  A. Tình yêu gắn liền với hôn nhân.  B. Tình yêu gắn với cuộc sống lao động.  C. **Tình yêu đau khổ nhưng tràn đầy khát vọng.**  D. Tình yêu gắn với tình cảm quê hương.  **Câu 6 :**Chủ đề nổi bật trong truyện thơ là gì?  A. Tình yêu giữa những người cùng hoàn cảnh.  B. Chế độ hôn nhân gả bán.  C. Số phận đáng thương của người phụ nữ.  D**. Khát vọng tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:**

Vận dụng những tri thức đã học , cảm nhận được một trích đoạn trong truyện thơ, kết nối được nội dung của tác phẩm với những vấn đề của cuộc sống

1. **Sản phẩm:**

Bài làm của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV giao bài tập vận dụng  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV giao bài tập về nhà: Tìm đọc toàn bộ truyện thơ | **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Em tới rừng ớt, ngắt lá ớt ngồi chờ,*  *Tới rừng cà ngắt lá cà ngồi đợi,*  *Tới rừng lá ngón ngóng trông.*  *Anh tới nơi, em bẻ lá xanh em ngồi”*  (Trích truyện thơ : “ ***Tiễn dặn người yêu***”)  **Thực hiện các yêu cầu sau:**  **Câu 1:**Nêu nội dung chính của văn bản?  **Câu 2:**Chỉ ra một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng?  **Câu 3:**Các từ chờ, đợi, trông đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào trong việc diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình?  **Câu 4:**Qua văn bản, viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về tình yêu chân chính |

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

**Yêu cầu** : Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của chàng trai, cô gái trêm đường tiễn dặn ( đoạn 1)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Hoàn cảnh** | **Lời nói ( ngôn từ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật...)** | **Tâm trạng** |
| Chàng trai |  |  |  |
| Cô gái |  |  |  |

**Nhận xét:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Yêu cầu:** Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của chàng trai khi chứng kiến tình cảnh của cô gái ở nhà chồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngôn ngữ, hình ảnh, BPTT | Tâm trạng |
| Thái độ, cử chỉ |  |  |
| Lời nói |  |  |

**PHẦN ĐỌC (Thực hành đọc hiểu)**

**VĂN BẢN 1:**

**TÔI YÊU EM (Puskin)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

- HS nhận biết, vận dụng những hiểu biết về thơ trữ tình (nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ,…) để đọc hiểu bài thơ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của một tâm hồn Nga, một tâm hồn thơ.

- Nắm được đặc sắc nghệ thuật thơ cổ điển của Pu-skin: giản dị, tinh tế mà hàm súc.

- Học sinh vận dụng tri thức đã học, liên hệ, kết nối với kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu thêm ý nghĩa tác phẩm.

**2. Kĩ năng**

- Hình thành kĩ năng đọc hiểu tác phẩm thơ dựa trên sự việc, hình ảnh, chi tiết và những dấu hiệu hình thức nghệ thuật khác để cảm nhận được hoàn cảnh, tâm trạng, vẻ đẹp của nhân vật trữ tình cùng ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm

- Đánh giá được những đặc sắc của tác phẩm.

**3. Phẩm chất**

- Có quan niệm đúng đắn về tình yêu chân chính; hướng tới tình yêu chân chính, cao đẹp.

- Trân trọng khát vọng tình yêu, hạnh phúc của con người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu học tập;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Sản phẩm:**

Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  *Cho tình huống: Bạn sẽ làm gì khi bị từ chối trong tình yêu?*  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **Nhóm 1**: Khủng bố luôn luôn với phương châm:  *Đẹp trai không bằng chai mặt*  *Gió thổi mãi cây cũng phải đổ*  *Nước chảy đá mòn*  **Nhóm 2:** Chiếm đoạt ngang nhiên: *Hẹn kiếp sau, sống chết có nhau, ngọc vỡ còn hơn ngói lành.*  **Nhóm 3:** Cao thượng, vẫn đẹp sao: *Đời còn dài còn nhiều cơ hội, không là người yêu thì là người bạn tốt, hạnh phúc của người mình yêu chính là hạnh phúc của mình.*  **Cả lớp:** Chúng ta hãy xem cách hành xử nào là tốt nhất, hợp lý nhất mà vẫn giữ được hình ảnh đẹp trong nhau.  Có rất nhiều cung bậc trong tình yêu, có tình yêu tầm thường, tình yêu cao cả, tình yêu ích kỉ, vẩn đục, tình yêu trong sáng… và “Tôi yêu em” của Pu-skin là một trong những tình yêu ấy. Chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ Tôi yêu em để xem mặt trời thi ca Nga đã ứng xử như thế nào trong tình yêu nhé. Cô tin rằng khi hiểu bài thơ này mỗi chúng ta cũng sẽ có được câu trả lời tốt nhất cho tình huống vừa rồi. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:**

Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh và những kiến thức được giáo viên chốt lại, những kiến thức học sinh thu nhận được.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Học sinh tìm hiểu phần chuẩn bị bài, và các nguồn thông tin khác vẽ sơ đồ tư duy ( hình thức tự do sáng tạo) tìm hiểu về tác giả Pu-skin theo các ý:  + Đặc điểm về cuộc đời của Pu-skin như xuất thân, đặc điểm tính cách.  + Tài năng  + Ví trí của ông trong nên văn học Nga  + Phong cách nghệ thuật  + Những nhận xét về Pu-skin  ***- GV hướng dẫn HS cách đọc bài thơ:***  + Câu 1-2: chậm, ngập ngùng, thú nhận lại như tự nhủ.  + Câu 3-4: mạnh mẽ, dứt khoát như thề hứa.  + Câu 5-6: day dứt, u buồn, hồi nhớ và kiểm nghiệm.  + Câu 7-8: mong ước, tha thiết và bình tĩnh.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời từng câu hỏi theo gợi ý trên.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **a. Cuộc đời:**  - A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 – 1837).  - Xuất thân từ tầng lớp quý tộc ở Mát-xcơ-va.  - Gắn bó sâu sắc với nhân dân và đất nước.  - Dũng cảm đấu tranh chế độ chuyên chế Nga hoàng độc đoán.  **b. Sự nghiệp:**  - Tài năng: thể hiện ở nhiều thể loại văn học. Đặc biệt là thơ. (hơn 800 bài thơ).  - Sáng tác nhiều thể loại:  + Tiểu thuyết bằng thơ: Ép-ghê-nhi Ô-nhê-ghin.  + Trường ca: Ru-xlan và Li-út-mi-la, Người tù Cáp-ca-dơ.  + Truyện ngắn: Cô tiểu thư nông dân, Con đầm pích,…  + Kịch: Bô-rít Gô-đu-nốp.  +Ngụ ngôn.  + Hơn 800 bài thơ trữ tình.  - Vị trí: “Mặt trời của thi ca Nga”; Nhà thơ Nga vĩ đại.  - Phong cách nghệ thuật: Thể hiện tâm hồn Nga khao khát tự do và tình yêu qua một tiếng nói Nga trong sáng, thuần khiết.  ***Những nhận xét về Pu-skin:***  - Gorki: “Khởi đầu cho mọi khởi đầu”.  - Gô-gôn: “Puskin sinh trước thời đại mình hai trăm năm”.  - Giu-côp-xki: “Người khổng lồ tương lai”.  - Đô-brô-liu-bôp: “... Có ý nghĩa to lớn không chỉ trong lịch sử văn chương mà cả trong lịch sử thức tỉnh của dân tôc Nga”  **2. Bài thơ Tôi yêu em**  a. Hoàn cảnh sáng tác: Viết vào mùa hè 1829, khơi nguồn từ mối tình của nhà thơ với nàng A.A. Ô-lê-nhi-na.  b. Bố cục: 2 phần  - Khổ 1: Lời giã biệt và giãi bày một tình yêu vô vọng.  - Khổ 2: Lời giãi bày tiếp và lời cầu nguyện cho người mình yêu. |
| ***2. Hoạt động đọc hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nhỏ (4 – 6 HS) đọc văn bản Tôi yêu em, trả lời câu hỏi và thực hiện các yêu câu sau:  + Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?  + Em có nhận xét gì về cách xưng hô Tôi và em?  + Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ: Đã, Vẫn, Chưa  + Tình yêu của nhân vật trữ tình dành cho em được thể hiện như thế nào?  + Mạch thơ ở hai câu 3 và 4 có sự thay đổi đột ngột thể hiện điều gì?  - Tình yêu của nhân vật tôi được thể hiện như thế nào qua 2 câu thơ 5 và 6?  - Việc sử dụng các từ chỉ trạng thái cảm xúc có tác dụng gì?  - Em nghĩ bài thơ Tôi yêu em là lời tỏ tình hay là lời chia tay?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời từng câu hỏi theo gợi ý trên.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản: Tôi yêu em**  **1. Lời giã biệt và giãi bày một tình yêu vô vọng.**  **a. Câu 1 và 2:**  + Nhân vật trữ tình trong bài thơ là nhân vật tôi.- tác giả.  + Cách xưng hô “Tôi” – “em”: vừa gần gũi,vừa xa cách.  + Đã: (hư từ chỉ quá khứ)  + Vẫn: (hư từ biểu thị sự tiếp diễn, không thay đổi)  + Chưa (tắt): (mang nghĩa phủ định)  + Hình ảnh: ngọn lửa tình: gợi sự ấm áp, nồng nàn.  +Chưa hẳn đã tàn phai: vẫn âm ỉ cháy, tình yêu vẫn còn tồn tại, bền vững.  ***Khẳng định tôi đã, đang và vẫn yêu em. Là lời bày tỏ ngắn gọn, giản dị nhưng cảm xúc chân thành, thiết tha.***  **b. Câu 3 và 4:**  - Từ “Nhưng” nối giữa câu 1-2 và câu 3-4 như một đập chắn cho sự đổi hướng đảo ngược với quyết định đầy tính lí trí: phải dập tắt ngọn lửa tình trong lòng mình “để nó không làm phiền em thêm nữa”, và “không muốn làm em buồn vì bất cứ điều gì”.  - Từ “không” lặp lại hai lần: sự quyết liệt, dứt khoát, mạnh mẽ, giằng xé, cần phải dập tắt tình yêu nó đang bốc cháy ở trong mình.  *Những câu thơ tự sự như là một lời giãi bày, bộc bạch chân tình, giản dị mà tinh tế.*  - Chàng trai hiểu cho sự băn khoăn của cô gái nên chủ động dập tắt tình yêu, bóp nghẹt trái tim mình, tự nhắn nhủ mình phải dừng bước để người mình yêu được thanh thản.  - Đó là cách cư xử rất có văn hóa trong tình yêu.  ***Đây là chàng trai cao thượng, tế nhị, tự trọng, vị tha.***  ***Đoạn thơ là lời từ giã tình yêu đầy đau đớn nhưng cũng là sự thể hiện một tâm hồn đầy vị tha, đầy tự trọng và rất chân thành của nhà thơ.***  **2. Lời giãi bày tiếp và lời cầu nguyện cho người mình yêu**  **a. Câu 5 và 6:**  - Điệp khúc “Tôi yêu em” vang lên lần thứ 2: tình yêu bền bỉ, dai dẳng, thường trực trong trái tim chàng trai.  - Các trạng thái cảm xúc: khi âm thầm như sóng ở đáy sông, khi cuồng nhiệt trong vô vọng, khi rụt rè, ngại ngần không thốt ra lời, khi hậm hực ghen tuông.  - Dũng cảm thừa nhận cả tình cảm tích cực lẫn tiêu cực –sự chân thành trong tình yêu.  **b. Hai câu thơ kết:**  - Điệp khúc “Tôi yêu em” được nhắc lại lần thứ ba: Tình yêu vững bền, thủy chung, say đắm. Những sắc thái tiêu cực đã nhường chỗ cho những sắc thái tích cực đó là sự “chân thành”, “đằm thắm”.  - Lời chúc: “Cầu em được người tình như tôi đã yêu em” - Sự thăng hoa của tình yêu chân thành.  **Trong lời chúc có:**  *- Sự cao thượng, vị tha của chàng trai, chàng trai đã vượt lên cái tôi ích kỷ của mình để nghĩ cho người mình yêu, mong cho người yêu có được hạnh phúc trọn vẹn.*  *- Ngầm ý khẳng định tình yêu của tôi dành cho em là lớn lao nhất – Tự hào, tự tin vì điều đó.*  *- Hình như đằng sau lời chúc đó vẫn có một chút nào đấy là sự chờ đợi, sự hi vọng dù rằng nó rất mơ hồ.*  ***Bất ngờ, đầy ý vị, vượt lên sự ích kỉ tầm thường, thể hiện sự cao thượng, vị tha trong tình yêu.***  ***Tôi yêu em là lời tỏ tình thông minh, đồng thời cũng là lời chia tay của một trái tim nhân ái, một nhân cách cao thượng.***  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, hàm súc.  - Giọng điệu thơ chân thực, sinh động, thể hiện nhiều cảm xúc khác nhau.  - Yếu tố tự sự trong bài thơ góp phần thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình như là một lời giãi bày, bộc bạch chân tình, giản dị mà tinh tế.  **2. Nội dung**  “Tôi yêu em” là bài thơ buồn, diễn tả tình yêu vô vọng nhưng chân thành, mãnh liệt, cao thượng, nhân ái của một trái tim con người.  **3. Ý nghĩa văn bản**  Dù trong hoàn cảnh và tình yêu thế nào thì con người cũng cần phải sống chân thành, mãnh liệt, cao thượng và vị tha. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

**b. Sản phẩm:**

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + Học sinh trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm, củng cố bài học  + Chọn phân tích tác dụng của một biện pháp nghệ thuật trong một câu thơ cụ thể của bài.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS theo dõi lựa chọn phương án trả lời đúng nhất.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1: Các sáng tác của Pu-skin đã:**   1. Thể hiện bi kịch tình yêu 2. Thể hiện cuộc đấu tranh vì tự do của dân tộc Nga 3. Thể hiện bức tranh thiên nhiên Nga tuyệt đẹp. 4. Thể hiện vẻ đẹp tâm hồn nhân dân Nga khao khát tự do và tình yêu.   Đáp án: D  **Câu 2: Pu-skin được mệnh danh là:**   1. Ánh sáng tâm hồn Nga 2. Cơn địa chấn văn học Nga 3. Mặt trời thi ca Nga 4. Thiên sứ tình yêu Nga   Đáp án: C  **Câu 3: Dòng nào nói đúng nhất các trạng thái cảm xúc của nhân vật trữ tình được nhắc đến trong hai câu 5-6 bài Tôi yêu em của Pu-skin?**   1. Niềm vui say ngây ngất trước tình yêu. 2. Niềm vui sướng, sự tuyệt vọng, sự rụt rè và lòng ghen tuông. 3. Nỗi khổ đau âm thầm, sự tuyệt vọng, sự rụt rè và lòng ghen tuông. 4. Nỗi khổ đau âm thầm, niềm hi vọng, sự rụt rè và lòng ghen tuông.   Đáp án: C  **Câu 4: Bài học về tình yêu qua bài thơ Tôi yêu em của Pu-skin? (Chọn câu trả lời đúng nhất)**   1. Tình yêu phải có sự chân thành. 2. Tình yêu phải có sự tự nguyện từ hai phía   và có sự tôn trọng lẫn nhau.   1. Tình yêu phải trong sáng vị tha. 2. Cả A, B, C đều đúng.   Đáp án: D |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Vận dụng những tri thức đã học, cảm nhận được bài thơ, kết nối được nội dung của tác phẩm với những vấn đề của cuộc sốn

**b. Sản phẩm:**

Bài làm của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Câu hỏi: So sánh quan niệm về tình yêu trong bài thơ Tôi yêu em của Pu-skin với bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS viết câu trả lời trên giấy  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS đọc phần tra lời trước lớp, GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Giống nhau :**  - Hai nhà thơ đều viết về đề tài tình yêu đôi lứa trong niềm thương nỗi nhớ. Tất cả biểu hiện, diễn biến phức tạp trong tâm hồn của những người đang yêu đều hướng đến khát vọng yêu thương, mong muốn được gặp một trái tim đồng điệu, giao cảm để hiến dâng trọn vẹn.  - Bài thơ Tôi yêu em thể hiện tình yêu cần hướng tới sự đồng điệu, đồng cảm, hi sinh, chàng trai luôn khao khát được dâng hiến, yêu thương và hạnh phúc hơn khi thấy người mình yêu được mỉm cười hạnh phúc.  Bài thơ Sóng là khát vọng tình yêu của người phụ nữ khao khát sống, khao khát yêu, dù bình dị nhưng mãnh liệt với nỗi nhớ thường trực vô bờ.  - Cả hai thi sĩ đều rất tài tình dụng công mượn hình ảnh, sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh để diễn tả tâm tư, tình cảm của mình.  **Sự khác biệt:**  **- Quan niệm tình yêu trong bài Tôi yêu em:**  + Pu-skin đã thể hiện một quan niệm hoàn chỉnh, mới về tình yêu chân chính. Mà ở đó, sự hài hòa hoàn hảo giữa cảm xúc và lý trí, tình yêu không thật sự bản năng ích kỉ mà rất nhẹ nhàng sáng suốt.  + Tình yêu đơn phương đầy hi sinh của chàng trai mãnh liệt nhưng không hề ích kỉ, yếu đuối và chẳng cần van xin. Nó được khơi nguồn từ những cảm xúc chân thật từ trái tim. Bài thơ là lời tâm sự chân thành của nhân vật trữ tình về tình yêu, về mối tình đơn phương, buồn vì tình yêu vô vọng nhưng không hề bi lụy, tiêu cực mà ngược lại rất trong sáng, thấu hiểu, nhân hậu, vị tha, đồng cảm với nỗi lòng của cô gái. Là lời khẳng định thể hiện sự tôn trọng với người con gái, nâng niu, trân trọng tình yêu.  -**Quan niệm tình yêu trong bài sóng của Xuân Quỳnh:**  + Tình yêu luôn tuyệt đối hóa trong tình yêu riêng tư, tình yêu đời thường gắn liền với nỗi nhớ. Nhà thơ đã mượn hình tượng sóng để nhân hóa, ẩn dụ cho bản chất khát vọng tình yêu. Bản chất của sóng cũng là bản chất của tâm hồn người phụ nữ đang yêu.  + Trong cái phong phú, phức tạp ấy ánh lên nét nữ tính, dịu dàng bởi trái tim của người phụ nữ khi yêu có lúc “dữ dội” “ồn ào” nhưng cái đích hướng đến, tìm về vẫn là “dịu êm” “lặng lẽ”.  + Khát vọng tình yêu của tuổi trẻ được đồng nhất với cái vĩnh hằng của sóng. Nhân vật trữ tình soi chiếu mình vào sóng để rồi tự tách ra để cảm nhận trọn vẹn về tình yêu.  Hành trình của sóng, của tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu là cuộc hành trình mà khởi đầu là sự từ bỏ cái chật chội, nhỏ hẹp để tìm đến một tình yêu bao la, rộng lớn, cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong tình yêu, muốn hóa thân vĩnh viễn thành tình yêu muôn thuở.  **Lý do của sự khác biệt:**  - Do hoàn cảnh sáng tác.  - Do phong cách nghệ thuật, cá tính sáng tạo của mỗi nhà thơ.  - Sự khác biệt trong cách nghĩ, suy tư của nhà thơ nam và nữ thi sĩ. |

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

**Yêu cầu** : Tìm hiểu thông tin về nhà thơ Pu-skin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cuộc đời** | **Năm sinh,** |  |
| **Xuất thân** |  |
| **Tính cách** |  |
| **Sự nghiệp** | **Thể loại, tác phẩm** |  |
| **Vị trí** |  |
| **Phong cách nghệ thuật** |  |
| **Những nhận xét về Pu-skin** |  |

**Nhận xét:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Yêu cầu:** Tim hiểu nội dung bài thơ

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| 1. Em có nhận xét gì về cách xưng hô Tôi và Em? |  |
| 2. Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ: Đã, Vẫn, Chưa |  |
| 3. Tình yêu của nhân vật trữ tình dành cho em được thể hiện như thế nào? |  |
| 4. Mạch thơ ở hai câu 3 và 4 có sự thay đổi đột ngột thể hiện điều gì? |  |
| 5 Tình yêu của nhân vật tôi được thể hiện như thế nào qua 2 câu thơ 5 và 6? |  |
| 6. Việc sử dụng các từ chỉ trạng thái cảm xúc như: âm thầm, rụt rè, hậm hực, … có tác dụng gì trong thể hiện tâm trạng tình cảm của nhân vật trữ tình? |  |
| 7. Em nghĩ bài thơ Tôi yêu em là lời tỏ tình hay là lời chia tay? |  |

**BÀI PHÂN TÍCH THAM KHẢO: Phân tích bài thơ Tôi yêu em của Pu-skin**

*Từ khi loài người biết yêu và biết làm thơ đã có thơ về tình yêu. Tình yêu là đề tài luôn luôn xưa cũ và cũng luôn luôn mới mẻ. Mỗi thi nhân khi đến với đề tài huyền diệu này đều có những phát hiện riêng. Những bài thơ tình hay nhất không hẳn là những bài thơ có hình thức đẹp đẽ, ngôn từ bóng bẩy,... mà điều quan trọng là tiếng nói chân thành nơi trái tim yêu đã làm rung động bao trái tim khác, khi họ đến với tình yêu tạo nên một sự cộng hưởng sâu xa trong tâm hồn nhân loại. Tôi yêu em của Pu-skin là một bài thơ như thế. Bằng một cách nói giản dị, chân thành, Pu-skin đã dạy cho con người biết yêu một cách cao thượng và nhân văn.*

*Pu-skin là nhà thơ Nga thiên tài - người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học và nền văn học Nga phong phú, đậm đà tính dân tộc. Nhà thơ nổi tiếng Giu-côp-xki đã coi Pu-skin là "người khổng lồ tương lai". Khát vọng tự do thấm đượm trong thơ Pu-skin. Ông là người ca sĩ của tự do. Pu-skin còn là ca sĩ của tuổi trẻ. Tình bạn, tình yêu là cảm hứng trong rất nhiều sáng tác của ông.*

*Tôi yêu em là một trong những bài thơ tình nổi tiếng của Pu-skin, của thi ca Nga và của cả nền thơ ca thế giới. Bài thơ được sắp xếp liền mạch 8 câu, không chia thành các khổ thơ. Toàn bài có hai câu thơ lớn, mỗi câu 4 dòng thơ. Như vậy, trên thực tế bài thơ như gồm hai phần, cả hai phần đều bắt đầu bằng cùng một cụm từ "Tôi yêu em". Thoạt nhìn tưởng như ý quẩn, trùng lặp, đọc kĩ mới thấy ý thơ ào ạt trào lên:*

*Tôi yêu em đến nay chừng có thể*

*Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai;*

*Nhưng không để em bận lòng thêm chút nữa,*

*Hay hồn em phải gợn sóng u hoài.*

*Tôi yêu em âm thầm, không hy vọng,,*

*Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen,*

*Tôi yêu em, yêu chân thành, đằm thắm,*

*Cầu cho em được người tình như tôi đã yêu em.*

*Con sóng sau dữ dội, mãnh liệt hơn con sóng trước. Hình thức tay lặp lại nhưng cảm xúc có sự khác biệt. Xét bề ngoài câu chữ, nhân vật trữ tình dường như thông báo việc rút lui chối bỏ say mê, dập tắt lửa tình (nhưng không để em bận lòng thêm nữa, hay hồn em phải gợn bóng u hoài). Đó là trật tự lô-gíc trong cách giãi bày tình cảm của nhân vật trữ tình. Nhưng trật tự logic đó chỉ là bề ngoài, còn trong sâu thẳm tâm linh, mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình cuồn cuộn chảy, bất chấp logic. Không nén được cảm xúc đó cứ bật lên như một điệp khúc: Tôi yêu em.*

*Hãy bàn rộng một chút về cách dùng đại từ nhân xưng trong bài thơ, cách dùng đại từ nhân xưng trong câu chuyện tình yêu là cả một vấn đề. Người dịch đứng trước nhiều lựa chọn: Tôi yêu chị/ Tôi yêu cô/ Tôi yêu em/ Anh yêu em,.. Kiểu xưng hô trước có phần trang trọng, khách khí. Kiểu xưng hô sau lại quá tha thiết. Người dịch chọn kiểu xưng hô tôi yêu em là thỏa đáng vì nó nói lên đúng quan hệ vừa gần, vừa xa, vừa đằm thẳm, vừa dang dở giữa nhân vật trữ tình. Tôi yêu em là cách nói không mới nếu không muốn nói là đã trở nên rất quen thuộc và xưa cũ. Trong lịch sử ngôn ngữ học, từ khi loài người biết yêu đã có cụm từ này. Tuy nhiên, với mỗi người khi bước vào tình yêu nó luôn luôn mới, đặc biệt mới ở cách thể hiện. Con người luôn chờ mong ở lời thổ lộ ấy những khao khát, đam mê, hồi hộp, những ngọt ngào, tha thiết,...*

*Trong bài thơ, "Tôi yêu em" lặp lại nhiều lần như một điệp khúc. Đó vừa là một cách khẳng định không chút hồ nghi, băn khoăn, do dự, vừa là một sự thú nhận với tất cả sự chân thành thốt lên tự đáy lòng. Đó là khát vọng cháy bỏng của một trái tim yêu muốn được đáp lại. Đó còn là một lí luận của tình yêu: Tôi có quyền yêu em cho dù em có yêu tôi hay không. Tình yêu là thế. Lí luận của con tim nhiều khi bất chấp lí luận của khối óc.*

*Trong lời mở đầu, nhân vật trữ tình thú nhận:*

*Tôi yêu em đến nay chừng có thể.*

*Ngọn lửa tình chưa dễ đã tàn phai;*

*Nhưng không thể để em bận lòng thêm nữa*

*Hay hồn em phải đượm bóng u hoài*

*Tôi yêu em âm thầm không hy vọng*

*Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen*

*Tôi yêu em, yêu chân thành, đằm thắm*

*Cầu cho em được người tình như tôi đã yêu em.*

*"Ngọn lửa tình" có lúc bùng lên mãnh liệt, có lúc thầm lặng âm ỉ nhưng đó là cái âm ỉ của một ngọn núi lửa lúc nào cũng có thể phun trào. Tình yêu âm thầm, đơn phương, có lúc chông chênh "không hi vọng" hỡi nhân vật trữ tình nhiều khi có cảm giác "tôi tìm em, em tìm ai?". Yêu một người là hạnh phúc vì yêu vì khổ đau vì cảm giác tình yêu không được đền đáp. Nhân vật trữ tình có lúc rụt rè như một chàng trai mới lớn không dám đến gần để rồi ghen với cà những ánh mắt qua đường. Pu-skin trong thơ tình của mình đã nói rất nhiều về lòng ghen:*

*Trên đời này không có tra tấn nào*

*Đau đớn hơn những giày vò khắc nghiệt của ghen tuông*

*Tuy "hậm hực lòng ghen" nhưng nhân vật trữ tình là người dịu dàng, tao nhã, văn hóa tình yêu thể hiện khá rõ. Nét nổi bật nhất trong nhân cách yêu là "chân thành, đằm thắm", đằm thắm, chân thành ngay cả khi "không hi vọng". Đó là một mối tình tự nguyện, một tình cảm trọn vẹn giành cho người mình yêu. Tóm lại, tình cảm tâm trạng của nhân vật trữ tình đầy đủ mọi sắc thái, mọi cung bậc, vừa rất con người với những đam mê, những hờn ghen,... vừa mang tính lí tưởng bởi yêu hết mình và hiến dâng trọn vẹn.*

*Điều bất ngờ ở câu thơ kết là nhân vật trữ tình mặc dù "yêu chân thành, đằm thắm vẫn cầu mong cho người mình yêu có được người yêu "như tôi đã yêu em". Theo lôgíc thông thường, người ta sẽ cầu mong cho người mình yêu cũng yêu mình. Tình yêu cao thượng đã khiến nhân vật trữ tình vượt lên trên cái lôgíc thông thường đó, mang đến cho câu thơ nhiều hàm chứa ý vị. Yêu và trân trọng người mình yêu bởi nếu em không yêu tôi thì em đâu có lỗi. Có chăng là vì thần tình yêu đùa ác đã bắn mũi tên tình ái vào trái tim tôi mà không qua trái tim em. Câu thơ như một lời nhắn nhủ: Em hãy yêu người yêu em chân thành, đằm thắm nhất, mãnh liệt nhất, "như tôi đã yêu em". Dường như ẩn chứa trong đó còn có chút gì như là ý vị mỉa mai: "Nếu không có sự can thiệp của siêu nhiên thì vị tất nữ nhân vật còn gặp được một tình yêu khác giống như thế (R. Iacốpxơn). Điều đó có nghĩa là: Không một ai yêu em như tôi đã yêu em! Câu thơ còn biểu hiện một niềm hi vọng, một khát vọng thánh thiện giàu tính nhân văn: Tình yêu chân thành lẽ nào không được đền đáp. Em cứ đi tìm. Tôi vẫn chờ đợi. Có thể em chưa nhận ra tôi chính là tình yêu thượng đế mang đến cho em nhưng rồi một ngày nào đó em sẽ nhận ra. Đó chính là sự gặp gỡ của những trái tim nhân văn cao cả. Nhân vật trữ tình đã vượt lên thói ích kí tầm thường. Câu thơ đưa tình yêu lên ngôi, làm sáng chói nhân cách của nhân vật trữ tình: yêu tha thiết, mãnh liệt và trong sáng vô cùng, cao thượng vô cùng. Tôi yêu em phảng phất nỗi buồn của mối tình đơn phương nhưng là nỗi buồn trong sáng của một tâm hồn yêu đương chân thành, mãnh liệt, nhân hậu, vị tha. Bài thơ dạy cho người ta biết yêu một cách cao đẹp.*

*Lời giãi bày tình yêu của Pu-skin được thể hiện bằng hình thức giản dị mà tinh tế. Chất thơ của bài thơ chính là sự thành thực của người làm thơ "lòng nhân ái làm xúc động lòng người ở vẻ diễm lệ nghệ thuật của nó" (Bi-ê-lin-xki). "Đối tượng tự nó hấp dẫn đến mức chả cần gì đến sự tô vẽ điểm nào cả" (Pu-skin).*

**VĂN BẢN 2**

**NỖI NIỀM TƯƠNG TƯ**

Trích “Bích Câu kì ngộ”

(Vũ Quốc Trân)

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

Nhận biết và vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp, ngôn ngữ,...) để đọc hiểu đoạn trích truyện thơ.

**2. Kĩ năng**

*- Năng lực chung:* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

*- Năng lực chuyên biệt:*

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Vũ Quốc Trân.

+ Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm truyện thơ Nôm.

+ Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất**

- Trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

- Trân trọng những giá trị nhân văn vừa mang đặc điểm dân tộc, vừa mang tính phổ quát nhân loại; giữ gìn, phát huy di sản văn học của Việt Nam và thế giới.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, bảng phụ, ...

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

**b. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

# c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Em hãy kể tên truyện thơ Nôm mà em đã được học hoặc đã biết?  - Mỗi câu trả lời đúng, HS được 1 điểm tốt.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS suy nghĩ để chuẩn bị trả lời.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV gọi hs trả lời, HS khác nhận xét, GV chốt  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | + Truyện Kiều – Nguyễn Du  + Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu |

# HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chính về tác giả và tác phẩm.

**b. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức về truyện thơ dân gian qua phiếu bài tập (HS làm từ ở nhà)*   |  |  | | --- | --- | | ***PHT 1*** | Một số tri thức về thể loại Truyện thơ Nôm | | Khái niệm |  | | Phân loại |  | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Ngôn ngữ |  |   ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS sử dụng SGK, các nguồn tt (sách báo, mạng, ) chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  ***2. Hoạt động tìm hiểu tác giả Vũ Quốc Trân và văn bản “Nỗi niềm tương tư”***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS thuyết trình (đã chuẩn bị ở nhà): giới thiệu về tác giả, tác phẩm (PP hoặc bảng phu) theo câu hỏi gợi dẫn sau:  + Em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả Vũ Quốc Trân?  + Em hãy cho biết thể loại của văn bản *“Nỗi niềm tương tư”?*  + Nêu vị trí, xuất xứ của văn bản *“Nỗi niềm tương tư”*?  + Theo em, đặt nhan đề đoạn trích là *“Nỗi niềm tương tư”* có hợp lí không? Vì sao?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS sử dụng SGK, HL, chắt lọc kiến thức để tiến hành thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao (ở nhà),. Trên lớp xem lại nội dung đã chuẩn bị và các phương tiện để thuyết trình  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV mời HS có tinh thần xung phong thuyết trình sản phẩm; HS khác theo dõi, ghi chép, nhận xét, bổ sung... sau khi bạn thuyết trình xong  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **1. Một số tri thức về thể loại Truyện thơ Nôm**  **- Khái niệm:**  + Được viết bằng chữ Nôm, phần lớn theo thể thơ lục bát  + Có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình  + Phản ánh cuộc sống qua một cốt truyện với hệ thống nhân vật, sự kiện; bộc lộ thái độ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, của tác giả  **- Phân loại**   |  |  | | --- | --- | | ***Truyện thơ Nôm bình dân*** | ***Truyện thơ Nôm bác học*** | | - Thường khuyết tên tác giả;  - Thường lấy đề tài, cốt truyện từ truyện dân gian như cổ tích;  - Ngôn ngữ thường nôm na, mộc mạc  - TP: Phạm Tải – Ngọc Hoa, Tống Trân – Cúc Hoa, Thạch Sanh,… | - Phần lớn có tên tác giả;  - Hay lấy đề tài, cốt truyện từ những tác phẩm cổ của Trung Quốc nhưng được người viết sáng tạo lại một cách độc đáo (Truyện Kiều – Nguyễn Du, Hoa tiên – Nguyễn Huy Tự, Nhị độ mai,…). Tuy nhiên, cũng có tác phẩm do tác giả sáng tạo, hư cấu (Sơ kính tân trang – Phạm Thái, Truyện Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu).  - Truyện thơ Nôm bác học, nhất là của dân tộc Kinh thường trau chuốt, điêu luyện về nghệ thuật. |   **- Cốt truyện:** Gặp gỡ - Thử thách – Đoàn tụ  **- Nhân vật:**  + Phân theo loại chính diện và phản diện (chính - tà, thiện - ác, tốt - xấu).  + Được miêu tả với những biểu hiện bên ngoài (diện mạo, hành động, ngôn ngữ đối thoại) hơn là với đời sống nội tâm (cảm xúc, suy tư, ngôn ngữ độc thoại).  + Tính cách nhân vật thường tĩnh tại, ít có sự vận động và phát triển, những tác động của hoàn cảnh có tác dụng làm rõ hơn tính cách đã được định hình.  **- Ngôn ngữ:**  + Ngôn ngữ gián tiếp (lời tác giả)  + Ngôn ngữ trực tiếp (lời nhân vật)  + Ngôn ngữ nửa trực tiếp (lời tác giả nhưng thể hiện cảm xúc, suy tư, giọng điệu nhân vật (lời tác giả và lời nhân vật đan xen vào nhau, khó lòng tách bạch),  => Truyện thơ Nôm hay sử dụng ngôn ngữ gián tiếp. Người kể chuyện thường ở ngôi thứ ba.  **2. Truyện thơ Nôm** ***Bích Câu kì ngộ***  **- Tác giả**  +Vũ Quốc Trân (?-?) thế kỉ XIX.  + Quê: Đan Loan – Bình Giang - Hải Dương  + Sống chủ yếu ở Hà Nội.  **- Văn bản**  + Thể loại:Truyện thơ Nôm, viết theo thể thơ lục bát.  + Vị trí, xuất xứ đoạn trích: “*Nỗi niềm tương tư”*  */* Trích từ tập truyện Nôm “*Bích Câu kì ngộ”*gồm 678 câu.  / Nằm ở phần đầu truyện thơ: Gặp gỡ  + Tóm tắt:  - Gặp gỡ - Gia biến – Đoàn tụ  - Đoạn trích Nỗi niềm tương tư diễn tả tâm trạng Tú Uyên sau lần gặp đầu tiên người đẹp Giang Kiều ở hội chùa Ngọc Hồ.  + Nhan đề đoạn trích*: Nỗi niềm tương tư* – Thể hiện tâm trạng trong tình yêu của tuổi trẻ với nỗi nhớ nhung da diết, mong đợi được gặp mặt người mình yêu. |
| ***2. Hoạt động đọc văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***???***  *- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn bản*  *- Gv kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh qua một vài câu hỏi trong thẻ*  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  *HS nhận nhiệm vụ trên và chuẩn bị trình bày*  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  *GV gọi 1-2 HS đọc đoạn văn bản, HS khác lắng nghe và nhận xét, GV chốt*  *GV chỉ định 1-2 HS trả lời câu hỏi trong hộp. HS khác lắng nghe và nhận xét, GV chốt*  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **2. Hoạt động đọc văn bản:** *Nỗi niềm tương tư*  **. Đọc văn bản (đọc và trả lời các câu hỏi** ở khung bên phải văn bản |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn văn bản : tâm trạng tương tư – tình cảm rất nhân bản của con người; HS nắm được nghệ thuật miêu tả tâm trạng, sự kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố tự sự và trữ tình

**b. Sản phẩm:** hoàn thành việc trả lời câu hỏi để đa mục tiêu trên

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1.Đọc hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS hoạt động nhóm, thời gian 10 phút, sản phẩm thể hiện trên giấy nháp hoặc bảng phụ  Nhóm 1: Tìm hiểu về tâm trạng tương tư của Tú Uyên sau khi gặp người đẹp Giáng Kiều  Nhóm 2: Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn văn bản  Nhóm 3: Chỉ ra đặc điểm yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ Nôm  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS thực hiện hoạt động nhóm, thời gian 10 phút, làm ra nháp hoặc bảng phụ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV chỉ định 1 thành viên của từng nhóm lần lượt báo cáo, HS cả lớp theo dõi, ghi chép, đưa ý kiến nhận xét, bổ sung, chỉnh sửa; nhóm trình bày phản hồi,  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV định hướng | **1. Đọc hiểu văn bản**  **a. Tâm trạng tương tư của nhân vật Tú Uyên sau lần đầu gặp gỡ người đẹp Giáng Kiều**  **- Bộc lộ qua suy tư**  *+ “Lần trăng ngơ ngẩn ra về”:* Chàng trai thơ thẩn bước đi khi nghĩ đến cô gái.  *“Nỗi nàng canh cánh nào quên”:* Trong đầu chàng trai toàn làn hình bóng lần gặp đầu tiên với cô gái.  => Tương tư ngay sau gặp gỡ. Si mê đến nỗi “ngơ ngẩn, đến nỗi đèn thông cháy đã cạn mà chàng vẫn thao thức, suy tư (phải chăng cô gái xinh đẹp đó là tiên nữ? biết khi nào được gặp lại?) đến không ngủ được “giấc hòe chưa nên”  **- Bộc lộ qua cử chỉ, hành động:**  + Từ “có” lặp lại 4 lần thể hiện những hành động bộc lộ nỗi niềm tương tư  *+ “Có khi gảy khúc đàn tranh/ Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân”:* Vừa đánh đàn vừa nhớ đến cô gái.  + *“Có khi chuộc chén rượu đào,.... Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình”:* Những lúc uống rượu chàng lại càng nhớ nhung hơn, nhờ hơi men mà chàng còn hình dung ra giọng của nàng.  + *“Có khi ngồi suốt năm canh”, “có đêm ngắm bóng trăng tàn…”* chỉ để mong ngóng có ngày được *“dã đề”* – chuyện trò thân tình với nàng.  **- Bộc lộ qua ngôn ngữ tự sự của người kể chuyện**  *“Ngổn ngang cảnh nọ tình kia...Sầu xuân riêng nặng một người tương tư”* Nỗi nhớ đã được bộc bạch nhưng vẫn ***ngổn ngang*** khôn nguôi ngoai.  => ***=>Dù chỉ mới gặp một lần mà chàng thư sinh Tú Uyên đã nhớ mãi không quên người con gái xinh đẹp tuyệt trần. Chàng ngày nhớ, đêm thương, lúc nào cũng canh cánh, da diết nhớ đến hình bóng nàng, mong đợi sớm gặp mặt ==> Biểu hiện của tình yêu sy mê ở tuổi trẻ***  **b. Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật:**  - Sử dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp nghệ thuật:  + Nhân hóa: “Lần trăng ngơ ngẩn ra về”  + So sánh  “Hơi men không nhấp mà say  Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.”  + Liệt kê: gảy khúc đàn, chuốc chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn…  + Câu hỏi tu từ: Bao giờ bến mới gặp đò?, Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?...  + Ẩn dụ: hoa khuê các - người con gái cao sang; bướm giang hồ - chàng trai phiêu dạt khắp nơi…  + Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Lặp cấu trúc “Có khi…” kết hợp với các điển tích điển cố mang đậm tính chất truyện nôm bác học  -> Tác dụng: giúp khắc họa một cách rõ nét, chân thực nỗi tương tư. Các cung bậc cảm xúc, nỗi nhớ da diết, không nguôi ngày đêm mơ tưởng đến bóng dáng người đẹp.  ***- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố tự sự và trữ tình:***  + Về yếu tố tự sự (yếu tố truyện): đoạn trích xoay quanh câu chuyện của chàng Tú Uyên sau khi gặp thiếu nữ xinh đẹp đã về nhà tương tư, thầm nhớ nhung.  + Về yếu tố trữ tình (yếu tố thơ): truyện tập trung bộc lộ yếu tố đó thông qua tâm trạng của nhân vật Tú Uyên. Đoạn trích là dòng tâm trạng, cảm xúc, tương tư của nhân vật trong tình yêu. Ngoài ra, chất trữ tình còn được bộc lộ qua khung cảnh thiên nhiên (thiên nhiên góp phần tô đậm tâm trạng) |
| ***2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***Câu 1:***  ***So sánh 2 đoạn thơ nói về tâm trạng tương tư của Tú Uyên trong Nỗi niềm tương tư – Bích Câu kì ngộ và của Kim Trọng trong Truyện Kiều***  Lần trăng ngơ ngẩn ra về,  Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.  Nỗi nàng canh cánh nào quên,  Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?*(Bích Câu kì ngộ)*  - Chàng Kim từ lại thư song  Nỗi nàng canh cánh bên lòng biết khuây.  Sầu đong càng lắc càng đầy  Ba thu dọn lại một ngày dài ghê. (Truyện Kiều)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | So sánh | Tú Uyên | Kim Trọng | | Điểm giống |  |  | | Điểm khác |  |  |   ***Câu 2: Hày bàn luận về vấn đề tương tư trong giới trẻ hiện nay, khi còn là học sinh TH***   |  |  | | --- | --- | | Tương tư và tuổi học trò |  | | Giới thuyết về vấn đề | Từ 3 đến 5 gạch đầu dòng | | Mặt tích cực |  | | Mặt tiêu cực |  | | Giải pháp |  |   ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS làm việc cặp đôi, cùng bàn, làm vào PHT. Thời gian 5 – 7 phút  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV chỉ định nhóm HS thuyết trình sản phẩm, nhóm HS khác nhận xét, GV chốt  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  ***Câu 1:***   |  |  | | --- | --- | | ***Tú Uyên*** | ***Kim Trọng*** | | ***Giống: đều thể hiện nỗi niềm tương tư, si tình của một chàng trai về một người con gái*** |  | | *Khác:*  *- Ngẩn ngơ nhớ về người đẹp vừa mới gặp lần đầu*  *- Ngỡ là tiên, không mong được gặp lại nên càng tương tư, canh cánh, nhớ hết ngày lẫn đêm* | *- Nhớ đến sầu muộn*  *- Chưa được gặp nàng, cảm thấy một ngày dài như “ba thu” -> khát khao, nôn nóng mong nhanh được gặp nàng Kiều* |   ***Câu 2:***  HS chia sẻ quan điểm của bản thân, lý giải phù hợp, tích cực |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản *Nỗi niềm tương tư.* Từ đó, nắm được đặc điểm của thể loại truyện thơ Nôm và cách đọc hiểu truyện thơ Nôm

**b. Sản phẩm:**

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS làm việc cá nhân: Tổng kết lại, khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung nghệ thuật  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS căn cứ vào kết quả đọc hiểu văn bản của tiết học, tự tổng kết giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV chỉ định HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, GV chốt  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **1. Nội dung:** Đoạn trích nói về nỗi niềm tương tư, thương nhớ của Tú Uyên sau khi gặp người đẹp trong một lần du xuân ở chùa Ngọc Hồ  **2. Nghệ thuật:**  - Kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố tự sự và trữ tình.  - Vận dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật: so sánh, lặp cấu trúc, ... |

**PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP LẶP CẤU TRÚC**

**I. MỤC TIÊU DẠY HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết phân tích được đặc điểm tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.

**2. Năng lực**

***\* Năng lực chung:***

- Biết thuyết trình về một vấn đề, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói về một vấn đề;

- Nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó về một vấn đề trên tinh thần tôn trọng người đối thoại.

- Năng lực sáng tạo: Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến vấn đề, biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; thiết kế hoạt động và tư duy độc lập.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự chủ và tự học.

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực ngôn ngữ Tiếng Việt: Nhận biết phân tích được đặc điểm tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt,

**3. Phẩm chất**

- Bài học góp phần phát triển năng lực sử dụng Tiếng Việt, chủ động trong học tập để vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

- Bài học góp phần hình thành tính cách tự tin khi trình bày kiến thức về ngôn từ

- Hình thành nhân cách bồi dưỡng tình cảm: tình yêu với tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bài giảng PP,

- Máy chiếu, SGK, SGV Ngữ văn, tài liệu tham khảo,

- Phiếu học tập,

- Phiếu đánh giá, biên bản làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

|  |
| --- |
| **\* Mục tiêu:**  + Tạo tâm thế cho HS tiếp cận bài mới.  + Huy động, kích hoạt kiến thức đã học và trải nghiệm của HS có liên quan đến bài học. Tạo tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.  + Xác định nhiệm vụ học tập của học sinh.  **\* Nội dung:** GV đặt câu hỏi và học sinh trả lời, từ đó dẫn đến nội dung bài học.  **\* Hình thức tổ chức hoạt động:**  + Kể tên các loại trái cây em thấy trên màn hình, từ đó gọi tên chỉ ra một biện pháp tu từ cú pháp mà em đã học -> Liệt kê  + Điền từ thích hợp vào dấu ..... Đó là tên biện pháp tu từ cú pháp em đã học: ….là biện pháp tu từ, theo đó, tác giả xen thêm một thành phần biệt lập ngay sau bộ phận thể hiện thông tin chính trong câu để bổ sung ý nghĩa hoặc gia tăng tính hình tượng, sắc thái biểu cảm cho câu.  -> Chêm xen  + Từ hai bức ảnh, anh chị hãy suy đoán tên một phép tu từ cú pháp?  C:\Users\AN HUY\Pictures\Untitled.pnghttps://img.tinbaihay.net/ThumbImages/2015/04/10/nguoi-thap-co-nguy-co-mac-benh-tim-mach-vanh-cao-1f5d_450.jpg  -> Phép đối  + Nhìn hình đoán tên một biện pháp tu từ cú pháp ( Tên biện pháp này là tên ghép của hai hình ảnh)  500+ Hình Ảnh Chim Cú Mèo Đẹp Ấn Tượng Đến Không TưởngKhông có mô tả ảnh.  -> Lặp cú pháp (Điệp cú pháp; Lặp cấu trúc)  **\* Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **\* Tổ chức thực hiện:**  ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***  - GV chuẩn bị câu hỏi đặt vấn đề và các câu hỏi gợi mở giúp HS giải quyết vấn đề.  ***B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS huy động kiến thức để trả lời  ***B3. Báo cáo kết quả và thảo luận:***  + Hs trả lời nhanh  ***B4. Kết luận, nhận định***  + GV nhận xét về kiến thức, thái độ của học sinh: Hướng học sinh đến sự lịch sự, tự tin, nhanh tay nhanh mắt, tương tác tốt với người nghe.  **\* GV giới thiệu bài mới.** |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1. Mục tiêu*:***  + Nhận biết phân tích được đặc điểm tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt,  + Hình thành các kĩ năng cần đạt được sau khi học  **2.2. Xác định phương pháp, phương tiện**  - Phương pháp trực quan, trao đổi, vấn đáp, thảo luận nhóm, Công não, thông tin – phản hồi, mảnh ghép,…  **2.3. Nội dung:**  + GV đưa ra những yêu cầu và nhiệm vụ học tập của học sinh khi tìm hiểu bài học.  + GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm cử 01 nhóm trưởng điều hành nhóm thảo luận vấn đề. HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ  **2.4.** **Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS.  **2.5. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung**  ***B1.*** Giáo viên giao nhiệm vụ:  *? Đọc ngữ liệu và cho biết điều đặc biệt ở các ngữ liệu, việc lặp lại ở các câu trong các ngữ liệu có tác dụng gì?*  *Từ việc phân tích ngữ liệu trên, cho biết thế nào là biện pháp tu từ lặp cấu trúc?*  ***B2.*** HS suy nghĩ trao đổi và trả lời.  ***B3:*** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  ***B4***. Hình thành kiến thức mới | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Phân tích ngữ liệu**  **a. Ngữ liệu**  **-** Ngữ liệu 1:  *Ta làm con chim hót*  *Ta làm một cành hoa*  *Ta nhập vào hòa ca*  *Một nốt trầm xao xuyến*.  ( Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải)  + Trong ví dụ trên, việc lặp cụm từ: “*Ta làm...”*  + Nhằm nhấn mạnh ước muốn chân thành và tha thiết, giản dị của tác giả với cuộc đời. Nhà thơ muốn hiến dâng một mùa xuân nho nhỏ là cuộc đời của mình để đóng góp, làm đẹp thêm cho đất nước. Đồng thời tạo âm điệu nhịp nhàng cho lời thơ, tạo liên kết các câu thơ.  - Ngữ liệu 2: *Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một.*  ( Hồ Chí Minh)  Trong ví dụ trên, việc lặp lại cấu trúc câu *“...là một”* khẳng định hùng hồn, đanh thép về sự đoàn kết, thống nhất, ý chí của nhân dân ta  **b. Kết luận:** Việc lặp lại cấu trúc của một cụm từ, một câu nhằm nhấn mạnh nội dung biểu đạt và tạo nhịp điệu, sự liên kết cho các câu văn, câu thơ là biện pháp lặp cấu trúc cú pháp.  **2. Khái niệm: Biện pháp lặp cấu trúc**  Lặp cấu trúc (còn gọi: lặp cú pháp, điệp cú pháp) là biện pháp tu từ cú pháp, theo đó người viết (người nói) lặp lại cấu trúc của một cụm từ, một câu nhằm nhấn mạnh nội dung biểu đạt và tạo nhịp điệu, sự liên kết cho các câu văn, câu thơ.  **- Ví dụ:**  *Chỉ cá liền với nước*  *Chỉ lúa liền với ruộng*  *Tiễn đưa em, thôi anh quay lại, em ơi!*  *(Tiễn dặn người yêu)*  + Trong ví dụ trên, việc lặp lại cấu trúc “*Chỉ A liền với B”* ở hai dòng thơ đầu  + Tác dụng: vừa nhấn mạnh sự gắn bó giữa những sự vật khó chia lìa nhau, vừa tao sự liên kết giữa hai dòng thơ, đem lại ấn tượng về một không gian trải dài; tạo nhịp điệu, sự liên kết cho các câu thơ.  - **Chú ý**: Lặp cấu trúc thường được dùng nhiều trong phong cách ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ văn chương. |
| **Hướng dẫn HS làm bài tập 1:**  ***B1.*** Giáo viên giao nhiệm vụ:  ***Nhóm 2: Làm bài tập 1***  ***B2.*** HS suy nghĩ trao đổi và trả lời.  ***B3.*** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  ***B4.*** GV Kết luận, nhận định | **II. THỰC HÀNH**  **1. Bài tập 1:**  Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong cả ba đoạn trích dưới đây (trích từ truyện thơ dân gian Tiễn dặn người yêu)? Phân tích tác dụng biểu đạt của biện pháp tu từ ấy.  a. *Anh yêu em, lẽ tiễn đưa em đến tận nhà chồng*  *Nhưng chim chích trên cao lượn vòng gọi anh quay lại, anh quay lại*  *Chim nhạn dưới thấp bay quanh như anh quay đi, anh quay đi*  b. *Đừng bỏ em trơ trọi giữa rừng*  *Đừng bỏ em giữa dòng sóng thác trào dâng!*  c*. Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông*  *Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi giả bụa về già.*  **Đáp án**  a. Lặp cấu trúc: "...*anh quay lại", "...anh quay đi"*  Tác dụng:  + Nhấn mạnh tâm trạng đau buồn, nuối tiếc của chàng trai khi nói lời tiễn đưa người yêu về nhà chồng;  + Góp phần tạo nên nhịp thơ, sự liên kết cho các câu thơ.  b. Lặp cấu trúc "*Đừng bỏ em...."*  Tác dụng:  + Thể hiện tình cảm tha thiết, như muốn níu kéo của cô gái, giúp nhấn mạnh tình cảm sâu đậm của hai người dành cho nhau;  + Góp phần tạo nên giọng thơ thiết tha, sự liên kết cho các hai thơ.  c. Lặp cấu trúc "*Không lấy được nhau...ta sẽ lấy nhau"*  Tác dụng:  + Khẳng định tình cảm bền chặt và nhấn mạnh ý chí quyết tâm để trở về bên nhau của hai người.  + Lời thơ như lời khẳng định một cách chắc chắn, tạo sự sự liên kết cho các câu thơ. |
| **Hướng dẫn HS làm bài tập 2**  ***B1.*** Giáo viên giao nhiệm vụ:  ***Nhóm 3: Làm bài tập 2***  ***B2.*** HS suy nghĩ trao đổi và trả lời.  ***B3.*** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  ***B4.*** GV Kết luận, nhận định | **2. Bài tập 2:**  Hãy tìm và phân tích tác dụng của biện pháp lặp cấu trúc trong các câu thơ, câu văn dưới đây.  a. *Trời xanh đây là của chúng ta*  *Núi rừng đây là của chúng ta*  *Những cánh đồng thơm mát*  *Những ngả đường bát ngát*  *Những dòng sông đỏ nặng phù sa.*  (Nguyễn Đình Thi)  b. *Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*  (Vũ Bằng)  c. *Nếu là chim, tôi sẽ là loài bồ câu trắng.*  *Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương.*  *Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm.*  *Là người, tôi sẽ chết cho quê hương.*  (Trương Quốc Khánh)  d. *Vậy mà ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khổ hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông. Cửu Trùng Đài, họ có cần đâu? Họ dấy nghĩa cốt giết ông, phủ Cửu Trùng Đài.*  (Nguyễn Huy Tưởng)  **Đáp án**  a.  - Phép lặp cấu trúc:  *+ “...là của chúng ta”*  *+ “những...”*  - Tác dụng:  + Góp phần tạo nên nhịp thơ dồn dập, âm hưởng hào hùng, mạnh mẽ, giọng điệu hùng biện.  + Tạo sự xuất hiện liên tiếp của hình ảnh, nhằm khẳng định ý thức chủ quyền và niềm tự hào vì được làm chủ tất cả đất nước tươi đẹp, trù phú.  b.  - Phép lặp cấu trúc: “*Mùa xuân”*  - Tác dụng:  + Tạo cho câu văn, đoạn văn giàu âm điệu, giọng văn trở nêm tha thiết, gợi cảm.  + Nhằm nhấn mạnh thêm tình cảm của tác giả với mùa xuân của Hà Nội, của Bắc Việt, thể hiện sự trân trọng, thương nhớ, yêu quý với mùa xuân của tác giả.  c.  - Phép lặp cấu trúc: “*Nếu là…tôi sẽ là…*”  - Tác dụng :  + Tăng sức gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu cho câu thơ.  + Nhấn mạnh mong ước chân thành của con người với khát khao hiến dâng. Bộc lộ tình cảm chân thành, tha thiết, khát khao cống hiến của tác giả.  d.  - Phép lặp cấu trúc: “…*là vì ông”*  - Tác dụng:  + Góp phần làm cho giọng văn trở nên đanh thép, hùng hồn.  + Nhấn mạnh vào những việc làm sai trái của “ông” gây ra. |
| **Hướng dẫn HS làm bài tập 3**  ***B1.*** GV giao nhiệm vụ:  ***Nhóm 4: Làm bài tập 3***  ***B2.*** HS suy nghĩ trao đổi và trả lời.  ***B3.*** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  ***B4.*** GV Kết luận, nhận định | **3. Bài tập 3:**  Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong một bài thơ mà em đã học hoặc đã đọc.  **Đáp án**  Sóng là một hình tượng động, bất biến chính vì vậy mà sóng được các nhà thơ chọn làm thi liệu làm biểu tượng cho tình yêu. Xuân Quỳnh đã mượn sóng để biểu tượng cho những cung bậc tình cảm của người phụ nữ trong tình yêu với thật nhiều những khát khao và biến động. Trong khổ thơ:  *Trước muôn trùng sóng bể*  *Em nghĩ về anh, em*  *Em nghĩ về biển lớn*  *Từ nơi nào sóng lên?*  Trước biến cả mênh mông, “em nghĩ về anh, em”. Bằng biện pháp lặp cấu trúc “Em nghĩ về” đã càng nhấn mạnh nỗi suy tư của tác giả. Tâm hồn đang khao khát tình yêu đẹp đẽ nên đứng trước sự bao la của thiên nhiên, sóng bể, tác giả khát khao nhận thức về bản thân (em), về người mình yêu (anh), nhận thức về môi trường sống mới ( về biển lớn). “Em nghĩ” là sự thống nhất giữa sống và em. Em nghĩ chính là sóng nghĩ. “Em” và “sóng” có một sợi dây liên kết. Bởi hình ảnh sóng là nỗi lòng của tác giả, là của nhân vật trữ tình em, của người con gái đang yêu.  Biện pháp lặp cấu trúc làm cho lời thơ thêm tha thiết, tăng sức gợi hình gợi cảm và sự liên kết cho đoạn thơ. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |
| --- |
| **- Mục tiêu:** Hướng đến mục tiêu HS biết vận dụng tri thức bài học được vào cuộc sống.  **- Nội dung:** *Lấy 05 ví dụ về phép lặp và nêu tác dụng của chúng.*  GV yêu cầu HS về nhà tham khảo các nguồn tài liệu khác nhau để vận dụng tri thức vào đời sống  **- Sản phẩm:** Bài làm của học sinh  **- Tổ chức thực hiện:**  + GV giao bài tập hoặc tình huống thực tiễn  + HS làm bài ngoài giờ lên lớp và báo cáo kết quả |

**4. RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY HỌC**

**\*Tài liệu tham khảo**

**PHẦN VIẾT**

**VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Viết được bài văn nghị luận XH về một tư tưởng đạo lí: trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng đạo lí, hệ thống luận điểm, lí lẽ được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ, các bằng chứng có sức thuyết phục.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu….

- Dụng cụ khác nếu cần

**2. Học liệu**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 11, vở ghi.

- Tranh ảnh…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu NLXH về một tư tưởng đạo lí.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS nêu một tư tưởng, đạo lí đang được XH quan tâm và cho biết quan điểm cá nhân về vấn đề đó? Hoặc nhắc lại cách viết bài văn NLXH đã học trong CT Ngữ văn 10 Cánh diều?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS lắng nghe yêu cầu của GV, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV dẫn vào bài học: *Chúng ta vừa được nghe các bạn chia sẻ về một tư tưởng, đạo lí được mọi người quan tâm và quan điểm của các bạn. Để thể hiện quan điểm của mình, chúng ta có thể viết bài văn NLXH. Cụ thể như thế nào, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay: Viết bài NLXH về 1 tư tưởng, đạo lí.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài nghị luận về vấn đề xã hội và bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm kiểu bài nghị luận về vấn đề xã hội và bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm kiểu bài nghị luận về vấn đề xã hội và bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trả lời cá nhân bảng K-W-L  Yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập (theo kĩ thuật KWL),điền thông tin vào cột (1) và cột (2), thông tin ở cột (3) sẽ điền sau khi đã đọc hiểu văn bản.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP | | | | | (1)  Những điều em đã biết về kiểu bài NLXH | (2)  Những điều em muốn biết về  Kiểu bài NLXH | (3)  Những điều em biết thêm về kiểu bài NLXH về 1 tư tưởng đạo lí | | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm tìm hiểu về tri thức kiểu bài và vẽ sơ đồ tư duy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời đại diện các nhóm trình bày sơ đồ tư duy trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Định hướng về kiểu bài**  **1. Kiểu bài nghị luận về vấn đề XH**  \* Khái niệm: Văn bản nghị luận một vấn đề xã hội là kiểu văn bản dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.  \* Các kiểu bài:  - NL về 1 hiện tượng đ/s  - NL về 1 tư tưởng, đạo lí  - NL về 1 vấn đề XH đặt ra trong TPVH  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí:**  - Nhận biết đúng dạng đề, nêu vấn đề  - Tìm hiểu nội dung cụ thể của tư tưởng, đạo lí.  - Xác định tính thời sự, ý nghĩa của vấn đề  - Tìm ý và lập dàn ý: Luận đề, hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng (Đ/s, lịch sử, văn học), bố cục theo 3 phần.  - Thể hiện thái độ, tình cảm khi bàn luận vấn đề, vận dụng được kiến thức trải nghiệm của người viết |

**Hoạt động 2: Thực hành viết bài**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết kiểu bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tham khảo định hướng để thực hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được cách viết kiểu bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. Chuẩn bị viết  + Tìm hiểu đề  bài để biết các thông tin chính trước khi viết (VĐNL, kiểu bài, phạm vi bàn luận)  + Đọc kĩ các nội dung nêu ở mục 1 định hướng  + Tìm các tư liệu liên quan đến đề tài đã xác định  2. Tìm ý, lập dàn ý:  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi:  + Nhóm 1: Giải thích “Cứ hướng về phái Mặt Trời bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”: nghĩa là thế nào?  + Nhóm 2: Tại sao cứ hướng về Mặt Trời bóng tối lại ngả phía sau lưng bạn?  + Nhóm 3: Ý nghĩa câu nói được thể hiện cụ thể như thế nào?  + Nhóm 4: Câu cách ngôn trên có giá trị gì?  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài văn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe yêu cầu của GV, và trả lời theo các câu hỏi định hướng  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. Định hướng một số ý cơ bản  (Giải thích,  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Cặp đôi HS (Chia theo bàn) đọc mục a. Cách thức (trang 29 /SGK) về cách viết mở bài, kết bài và câu chuyển đoạn trong văn bản nghị luận.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Thực hành viết bài**  **1. Thực hành viết theo các bước**  *Đề bài: Suy nghĩ về câu cách ngôn: “Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”.*  **Bước 1: Chuẩn bị:**  - Tìm hiểu đề: Kiểu bài, vấn đề NL, phạm vi bàn luận  - Thu thập tư liệu  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  - Ý nghĩa câu cách ngôn: Hãy hướng về những điều tốt đẹp trong cuộc sống, những u ám, khó khan sẽ bị đẩy lùi và ta sẽ tìm thấy sự tươi sáng và thành công.  - Tại sao: Câu nói miêu tả 1 sự thật: Khi bạn hướng mình về phía ánh sáng thì bóng của bạn sẽ ngả về sau  - Thể hiện:  + Trong cuộc sống, con người luôn phải đối mặt với chông gai, thử thách -> Vượt qua khó khăn, con người sẽ trưởng thành, bản lĩnh, cứng cáp hơn  + Khi ta luôn hướng về những điều tốt đẹp thì bản thân sẽ hoàn thiện hơn, bóng tối sẽ bị đẩy lùi, quên lãng và chìm vào quá khứ -> Xã hội cũng sẽ tốt đẹp hơn  - Giá trị:  + Luônhướng về những gì tốt đẹp, rèn luyện cho con người ý chí, sống lạc quan, nhân ái hơn.  + Tạo nhiều giá trị tốt đẹp cho XH  **\* Lập dàn ý:**  - Mở bài  - Thân bài:  - Kết bài:  Gợi dẫn:  *+ Giải thích:*  /*“Mặt Trời”* là nguồn ánh sáng đem lại hơi ấm và sự sống cho muôn loài. Mặt Trời còn là biểu tượng cho sự tươi sáng, đẹp đẽ, là niềm tin và hi vọng tốt đẹp ở tương lai trong cuộc đời mỗi người.  /*“Bóng tối”* là màn đêm âm u, tăm tối. Bóng tối cũng là biểu tượng cho sự đen đủi, bi đát, bất hạnh thiếu may mắn, những thất bại trong đường đời mỗi con người.  *→ Câu nói mang một phương châm sống tích cực, một lời khuyên sâu sắc nhắc nhở ta phải biết vượt lên những bất hạnh, rủi ro, đau buồn, thất bại trong cuộc đời. Phải biết quên đi quá khứ đen tối mà hướng về tương lai tươi sáng, tốt đẹp ở cuộc sống phía trước.*  *+ Chứng minh:*  /Thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí – một nhà giáo ưu tú của Việt Nam: Từ nhỏ thầy đã bị liệt hai tay nhưng điều đó không cản được hi vọng của thầy. Thầy đã tập viết bằng chân mặc dù rất khó khăn, đau đớn nhưng với ý chí và sự quyết tâm, thầy đã chiến thắng chính số phận của mình.  /Ánh Viên: Để giành được huy chương vàng cho quê nhà, cô đã phải trải qua quá trình tập luyện hết sức gian khổ, vất vả.  *- Giá trị và tác động:*  + Rèn luyện cho bản thân chúng ta có được ý chí, quyết tâm.  + Giúp chúng ta đạt được thành công, mục đích mình đã hướng tới.  + Tạo được nhiều giá trị cho xã hội.  **Bước 3: Viết**  **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  **2. Rèn luyện kĩ năng viết mở bài, kết bài và câu chuyển đoạn trong văn bản nghị luận**  - Mở bài:  + Nhiệm vụ: nêu lên vấn đề cần bàn luận trong bài viết.  + Các cách: Nêu phản đề; Nêu câu hỏi; So sánh  - Kết bài:  + Nhiệm vụ: Tổng hợp và gợi mở vấn đề có thể suy nghĩ tiếp từ nội dung cần bàn luận trong bài viết.  + Các cách: Tóm lược vấn đề; Phát triển vấn đề; Phối hợp  - Câu chuyển đoạn: Đảm bảo cho bài văn liền mạch, có lô gích giữa các đoạn văn |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS hoàn thành bài viết nghị luận về một tư tưởng, đạo lí: viết đoạn mở bài, kết bài và bài văn

**b. Nội dung:** HS tiếp tục viết bài theo yêu cầu bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn/Bài văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS hoàn thành bài viết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Học sinh hoạt động cá nhân**  HS tiếp tục hoàn thành bài viết. GV đi bao quát lớp để hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS đọc một số đoạn văn mở bài và kết bài trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá. | **3. Bài tập thực hành**  **Bài tập 1:** Suy nghĩ về câu cách ngôn: “*Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”*, các em hãy viết mở bài hoặc kết bài bằng một trong các cách đã nêu ở trên.  **Tham khảo mở bài và kết bài:**  **– Mở bài:**  ***+*** Nêu phản đề***:*** *Có người cho rằng, trong cuộc sống, ai cứ hăng hái đi đầu , sống mạnh mẽ, tích cực, dễ bị ghen ghét, thiệt thòi. Thực ra thì không phải như vậy. Mỗi người là một vũ trụ thu nhỏ bởi vậy mỗi người sẽ có cho mình một cách sống, một cách suy nghĩ riêng. Nhưng sống và nghĩ như thế nào để chúng ta thấy hạnh phúc, để cuộc đời này có ý nghĩa. Đó chính là một vấn đề đáng quan tâm và đã có ý kiến cho rằng: “Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn.”.*  ***+*** Đặt câu hỏi***:****Bạn sẽ làm gì khi mà khó khăn dường như lấp kín hết cuộc đời bạn, khi mà thần may mắn không còn mỉm cười với bạn nữa, khi mà xung quanh bạn toàn những tai tiếng và nỗi nhục nhã ê chề bủa vây…? Dũng cảm đối mặt với những thử thách đó hay đầu hàng, phó mặc cho số phận đã an bài? Nếu là tôi, chắc chắn tôi sẽ tiếp tục đương đầu với những khó khăn đó vì tôi luôn tin vào câu cách ngôn nổi tiếng: “Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”.*  ***+*** So sánh:“Cõi đời hôn lên hồn tôi nỗi đau thương/ Và đòi hỏi tôi đáp lại bằng lời ca tiếng hát”. *Trong cuộc sống của mỗi con người ai cũng phải đối mặt với những khó khăn, thử thách. Không một ai cuộc sống lại trải toàn hoa hồng, thảm nhung. Chính vì vậy, điều quan trọng là chúng ta phải biết đứng lên, biết vượt qua khó khăn, thử thách để hướng đến tương lai. Bàn về điều này đã có ý kiến cho rằng: “Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”.*  ***– Kết bài***  + Tóm lược vấn đề: *Như vậy, câu cách ngôn “Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn.” là một lời khuyên về cách sống rất ý nghĩa, đúng đắn. Chúng ta hãy hướng về những điều tốt đẹp trong cuộc sống, nơi đó ta sẽ tìm thấy sự thành công, sự tươi sáng, đẹp đẽ của chính mình.*  ***+*** Phát triển vấn đề:*Thật vậy, biết hy vọng và tin tưởng vào những điều tốt đẹp là phương thuốc nhiệm màu giúp chúng ta mạnh mẽ hơn, tự tin hơn trong cuộc sống. Có niềm tin chúng ta sẽ tìm thấy sự chia sẻ, nâng đỡ và tình yêu thương giữa cuộc sống đời thường đầy khó khăn, thử thách này. Vậy nên, tôi, bạn và tất cả mọi người hãy rèn luyện cho mình ý chí, niềm tin để luôn tin rằng ở mỗi người sẽ có một mặt trời chân lý luôn tỏa sáng giúp chúng ta vượt qua mọi thử thách trong cuộc sống.*  **Bài tập 2:** Viết bài văn trình bày suy nghĩ về câu cách ngôn *“Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”.* |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS lập được dàn ý cho văn bản nghị luận về 1 tư tưởng đạo lí khác với vấn đề đã chọn ở các hoạt động trên.

**b. Nội dung:** HS lập dàn ý cho văn bản nghị luận về 1 tư tưởng đạo lí khác với vấn đề đã chọn ở các hoạt động trên.

**c. Sản phẩm học tập:** Dàn ý HS lập được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chọn một tư tưởng, đạo lí khác và lập dàn ý bài NLXH viết về vấn đề lựa chọn.

- GV mời 1 – 2 HS lên bảng lập dàn ý.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, lập dàn ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV gọi một số HS nhận xét bài của các bạn trên bảng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại bài Viết bài nghị luận Xh về 1 tư tưởng, đạo lí

- Soạn trước bài *Nói và nghe:* Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.

***Rubic đánh giá***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu bài  Sai vấn đề nghị luận | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận  Chuẩn phương thức biểu đạt  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận  Chuẩn phương thức biểu đạt  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**PHẦN NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN**

**VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức, chuẩn bị bài báo cáo theo câu hỏi định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS chia sẻ ý kiến đánh giá, bình luận.

- Năng lực thuyết trình: Thực hành thuyết trình sản phẩm trước lớp.

**3. Phẩm chất**

**-** Trân trọng những giá trị nhân văn.

- Tôn trọng người đối thoại

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Giáo viên: Giáo án, PHT, máy tính,...

- Học sinh: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập,....

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1: GV kể cho HS nghe 1 câu chuyện trong thực tế cuộc sống:** *Câu chuyện về lòng biết ơn, tình yêu thương,***... Sau đó đưa câu hỏi và dẫn dắt vào bài mới.**  **Cách 2:**  **Đưa ra một số câu hỏi, học sinh trả lời**  - Đã bao giờ em bày tỏ quan điểm của mình trước đám đông chưa?  - Nêu nhanh những vấn đề xã hội mà các em quan tâm hiện nay?  - Nếu bây giờ được trình bày ý kiến, đánh giá, bình luận cho cả lớp nghe về một vấn đề xã hội mà mọi người đang quan tâm, theo em, em cần chuẩn bị những gì?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân, thực hiện yêu cầu.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS chia sẻ câu trả lời  HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV kiểm tra câu trả lời của các HS, cho điểm hoặc định hướng bổ sung,... | HS suy nghĩ độc lập và trả lời theo quan điểm, ý kiến của cá nhân. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu yêu cầu đối với bài trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Hoạt động lưu ý cách thực hiện**  **HOẠT ĐỘNG**  **CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - *Thế nào là trình bày ý kiến đánh gia, bình luận về một tư tưởng, đạo lí?*  *- Khi trình bày ý kiến về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, ta cần chú ý những yêu cầu nào?*  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **\* Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Lưu ý cách thực hiện**  **1. Định nghĩa:**  - Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lĩ là một hoạt động, trong đó, người nói nêu lên nhận xét khen, chê và lí do tán thành hay phản đối về tư tưởng, đạo lí đó.  **2. Yêu cầu chung:**  - Bài nói cần đảm bào bố cục 3 phần: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.  - Để trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một cách hiệu quả, chúng ta cần chú ý:  + Nắm vững mục đích, đối tượng người nghe và nội dung trình bày.  + Biết cách trình bày: cách nói, cách kết hợp, sử dụng sự hỗ trợ của thiết bị công nghệ và các yếu tố phi ngôn ngữ,...  + Có thá độ thân thiện, tôn trọng người nghe. |
| **2. Hoạt động thực hành**  HS thực hiện theo mục a, b trong phần Gợi ý (GV đã giao HS chuẩn bị trước ở nhà).  GV cho HS 5 phút đề xem lại phần dàn ý của bài thuyết trình đã chuẩn bị trước tiết học.  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  **Vòng 1: Trình bày và thảo luận theo nhóm nhỏ**  GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ. Mỗi nhóm cử 01 người chủ trì, 01 thư kí.  - Người chủ trì ở mỗi nhóm sẽ thống nhất cách thức trình bày, thảo luận (hình thức trình bày, thời gian trình bày,…). Người chủ trì sẽ lần lượt mời các thành viên thuyết trình về vấn đề nghị luận.  Trong khi 01 thành viên thuyết trình thì các thành viên khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào **Rubrics đánh giá bài nói** của bạn.  - Sau khi người nói trình bày xong, người chủ trì mời người nghe phát biểu ý kiến hoặc nêu câu hỏi, tranh luận.  - Kết thúc thảo luận: người chủ trì tổng hợp những ý kiến của cả nhóm; thư kí ghi chép những điểm thống nhất và những điểm chưa thống nhất, còn tranh luận (nếu có).  **Vòng 2: Thuyết trình và thảo luận cả lớp**  - GV gọi đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả đã thảo luận của nhóm mình về vấn đề nghị luận trước cả lớp.  - Các nhóm khác lắng nghe, nêu ý kiến, đặt câu hỏi tranh luận.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS các nhóm thuyết trình và thảo luận theo sự điều hành của nhóm trưởng (người chủ trì)  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của đại diện các nhóm và chỉ định các nhóm đưa ra ý kiến nhận xét.  Các nhóm khác lắng nghe, nêu ý kiến, đặt câu hỏi tranh luận.  **\* Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV nhận xét phần thuyết trình và thảo luận của các nhóm, cho điểm. | **II. Thực hành**  **Đề bài:** Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề đặt ra trong câu cách ngôn: *“Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn.”.*  **a. Chuẩn bị**  - Xem lại nội dung dàn ý của phần Viết.  - Chuẩn bị tranh, ảnh, video, ... thiết bị trình chiếu (nếu có)  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  **-** Xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết*  **-** Bổ sung, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung cần trình bày.  **-** Bố cục bài nói gồm ba phần:  + Mở đầu: Nêu vấn đề cần trình bày  + Nội dung chính: Lần lượt nêu các nội dung như dàn ý đã chuẩn bị (hệ thống các luận điểm, luận cứ, luận chứng,...). Có thể trình bày theo trật tự khác nhưng cần nêu được các nội dung chính mà bài tập đã yêu cầu.  + Kết thúc: Tóm lược nội dung đã trình bày và trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có).  **-** Dự kiến những câu hỏi, nội dung sẽ thảo luận với các thành viên khác trong nhóm về vấn đề thảo luận.  **c. Nói và nghe**   * Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về vấn   đề đặt ra trong câu cách ngôn: “*Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn.”.*   * Thảo luận trong nhóm về vấn đề đặt ra trong câu cách ngôn: *Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn.”.*   **d. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:** | | | - Đã trình bày đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | - Cách thức trình bày, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | - Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | * **Đánh giá chung:** | | | - Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì? |  | | - Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? |  |   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Kiểm tra kết quả nghe:** | | | - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  | | - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức trình bày về một vấn đề xã hội của bạn? |  | | * **Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:** | | | - Đã chú ý và tôn trọng người trình bày chưa? |  | | - Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Rubrics đánh giá bài thuyết trình theo tiêu chí** | | | | | **Người thuyết trình**:…………………………………..  **Người nhận xét:**………………………………………. | | | | | **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** | | 1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục | Nôi dung sơ sài, chưa có nhiều lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu. | Có đủ lí lẽ và bằng chứng để người nghe hiểu được vấn đề. | Nội dung đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ. | | 2. Phong thái tự tin | Không tự tin, rụt rè. | Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe. | Tương tác, giao lưu tốt với người nghe. | | 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng | | 4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. | | 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Giáo viên đưa yêu cầu:**  Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về câu nói: *Bộ lông làm đẹp con công, học vấn làm đẹp con người.*  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS về nhà làm bài.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Tiết học sau trình bày trước lớp  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định** | HS về nhà chuẩn bị dàn ý. Tiết sau trình bày trước lớp. |

**PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**“HÔM QUA TÁT NƯỚC ĐẦU ĐÌNH”**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Năng lực**

- Học sinh đọc hiểu văn bản và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận của văn bản

- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, …

**2. Phẩm chất**

**-** Tình yêu quê hương, đất nước, yêu lao động, yêu con người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**-** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

- Tạo tâm thế thoải mái và dẫn học sinh vào bài học

**b. Sản phẩm**

- Phần tìm đọc của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS 4 tổ sẽ lần lượt cùng đọc những câu ca dao được bắt đầu “Thân em”, “Chiều chiều”… Câu sau không được trùng câu trước  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh tham gia trò chơi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | GV linh hoạt lắng nghe các câu ca dao của các nhóm. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh đọc hiểu văn bản và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận của văn bản

**b. Sản phẩm:**

**-** Câu trả lời trong bài làm của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Hoạt động chữa trắc nghiệm**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Gọi 4 HS ngẫu nhiên ở 4 tổ lên ghi đáp án trắc nghiệm.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS được mời lên bảng  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Đối chiếu đáp án của 4 HS  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét và phân tích đáp án (nếu cần) | **1. Phần trắc nghiệm**  Câu 1. C  Câu 2. D  Câu 3. C  Câu 4. C  Câu 5. C |
| **2. Hoạt động gợi ý tự luận**  **(Câu 6+7+8 trong SGK)**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao HS chuẩn bị các câu hỏi  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm bài  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trình bày kết quả  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét và cho điểm (nếu có) | **2. Phần tự luận (Câu 6,7,8)**  **Câu 6.**  - Hình tượng “chiếc áo” là hình tượng trung tâm, được thể hiện xuyên suốt trong tám dòng thơ đầu.  - Tác dụng nghệ thuật của hình tượng “chiếc áo” trong việc thể hiện nỗi niềm, tâm trạng của chàng trai:  + Là cái cớ để tiếp cận, thổ lộ với cô gái  + Nhấn mạnh đặc điểm chiếc áo để khéo léo nói lên hoàn cảnh và gia cảnh của mình để hướng tới mong muốn tìm người về khâu áo cho mình, mà hơn cả là về làm vợ của mình.  => Qua đó, thể hiện tâm tư, tình cảm của chàng trai dành cho cô gái với lời tỏ tình hết sức táo bạo và chân tình.  **Câu 7.**  Những vật mà chàng trai hứa trả công cho cô gái gồm “thúng xôi vò”, “con lợn béo”, “vò rượu tăm”, “chiếu em nằm”, “chăn em đắp”, “trằm em đeo”, “tiền cheo”, “tiền cưới”, “buồng cau”. Các vật hứa trả công đều là những món đồ chuẩn bị cho hôn nhân đại sự. Đó cũng là một cách ướm hỏi tình ý của cô gái về hôn sự với mình.  **Câu 8.**  Cảm nhận về nhân vật chàng trai trong bài *Hôm qua tát nước đầu đình*.  (GV linh hoạt ghi nhận)  - Chàng trai có cách tiếp cận hóm hỉnh nhưng lại bộc lộ tình cảm vừa táo bạo, vừa kín đáo, ý tứ; vừa chân thành, mộc mạc lại vừa khéo léo; vừa tếu táo nhưng lại vừa nghiêm túc trong tình yêu, hôn nhận.  => Vẻ chất phác của con người lao động Việt Nam ở chốn thôn quê bao đời nay. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh đọc hiểu văn bản và trả lời các câu hỏi tự luận và phiếu học tập

**b. Sản phẩm:**

**-** Câu trả lời trong vở và phiếu của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(Câu 9 + 10 trong SGK)**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV gọi HS lên đọc bài đã chuẩn bị theo phiếu học tập.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận nhiệm vụ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS đọc bài đã chuẩn bị  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV và HS nhận xét | **Câu 9.**  *Hôm qua anh đi chợ trời*  *Thấy ông Nguyệt Lão đang ngồi ở trên.*  *Tay thì cầm bút cầm nghiên*  *Tay cầm tờ giấy đang biên rành rành.*  *Biên ta rồi lại biên mình*  *Biên đây lấy đấy, biên mình lấy ta*  *Chẳng tin lên hỏi trăng già*  *Trăng già cương bảo rằng ta lấy mình.*  *Chẳng tin lên hỏi thiên đình*  *Thiên đình cương bảo rằng mình lấy ta*  *Quyết liều một trận phong ba*  *Để cho thiên hạ người ta trông vào*  *Quyết liều một trận mưa rào*  *Để cho thiên hạ trông vào đôi ta*  - Điểm giống giữa bài ca dao trên với bài ca “Hôm qua tát nước đầu đình”: cùng có mô típ thời gian “hôm qua”, cùng bộc lộ tình yêu và mong muốn hôn nhân của chàng trai.  - Điểm khác:  + Bài ca “Hôm qua tát nước đầu đình”: lấy cớ là quên áo mà dẫn tới ước nguyện hôn nhân.  + Bài ca dao trên: mượn ông Nguyệt Lão, mượn thiên đình để khẳng định hôn sự giữa hai người là điều chắc chắn đã được nhà trời ấn định rành rành.  **Câu 10.** Tham khảo  Một trong những cái mới mẻ, độc đáo đáng chú ý nhất ở bài ca dao này chính là ở nghệ thuật dựng chuyện. Với một giọng kể chuyện thân mật, nhỏ nhẹ rất tự nhiên, chàng trai đã dựng lên câu chuyện mất áo với khá nhiều chi tiết cụ thể, sinh động, đáng chú ý: thời gian mất áo là “hôm qua” - sự việc vẫn còn đang nóng hổi; địa điểm mất áo là “đầu đình” - cụ thể, tiêu biểu vì ai cũng biết chỗ đó; tình huống “bỏ quên” là đi “tát nước” - gắn với công việc lao động cụ thể. Bằng việc kể lại những chi tiết nói trên, chàng trai chẳng những làm cho người nghe (và cô gái) tin vào câu chuyện và chú ý lắng nghe, theo dõi mà còn lấy được thiện cảm và niềm tin cho mình. Nhưng không dừng lại ở đó, chàng trai đã đưa thêm chi tiết về nơi chiếc áo bị bỏ quên là “trên cành hoa sen”. Đến đây, câu chuyện mất áo lại trở nên hấp dẫn, lí thú hơn đồng thời thêm cả chút khó hiểu và khó tin hơn. (Biên soạn lại theo Hoàng Tiến Tựu) |

**HOẠT ĐỘNG 4: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp học sinh mở rộng ngữ liệu và có những liên hệ với nhóm văn bản cùng đề tài.

- Tham khảo thêm các cách tiếp cận, đánh giá về những tác phẩm đã học.

**b. Sản phẩm:**

**-** Quá trình tự học của học sinh

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV dựa vào SGK để hướng dẫn  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận nhiệm vụ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS tự thực hiện ở nhà  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV kiểm tra (nếu cần) | - Một số đoạn trích từ các truyện thơ *Tiễn dặn người yêu*, *Bích Câu kì ngộ,* các câu ca dao và một số bài thơ hiện đại viết về tình yêu.  - Một số bài phân tích và đánh giá về các tác phẩm đã đọc hiểu trong Bài 1.  - Sưu tầm một số bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí có nội dung gần gũi, thiết thực với tuổi trẻ học đường, ghi lại các mở bài và kết bài hay, độc đáo. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Tìm đọc một số bài ca dao có mô típ “Hôm qua”, từ đó, nhận xét điểm giống và khác nhau giữa bài *Hôm qua tát nước đầu đình* với những bài ca dao đó.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hôm qua tát nước đầu đình  Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen  Em được thì cho anh xin  Hay là em để làm tin trong nhà?  Áo anh sứt chỉ đường tà  Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu  áo anh sứt chỉ đã lâu  Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.  Khâu rồi anh sẽ trả công  Đến lúc có chồng anh lại giúp cho  Giúp em một thúng xôi vò  Một con lợn béo, một vò rượu tăm.  Giúp cho đôi chiếu em nằm  Đôi chăn em đắp, đôi tằm em đeo  Giúp em quan tám tiền cheo  Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau. | …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................................................................................................................................... |
| **\* Điểm giống**  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | |
| **Điểm khác** | |
| ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. | ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**Tài liệu tham khảo:**

1. Lã Nhâm Thìn - Đỗ Ngọc Thống (đồng Tổng chủ biên) (2023), *Ngữ văn 11 tập một - Sách giáo viên*, NXB Đại học Huế.

2. Hoàng Tiến Tựu (1992), *Bình giảng ca dao*, NXB Giáo dục.

3. Website: e-cadao.com